

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN LPBANK
LPBANK SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 578/2026/CV-LPBS
No. 578 /2026/CV-LPBS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, August 12th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*
To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/*Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (“LPBS”)

Name of organization: LPBank Securities Joint Stock Company (“LPBS”)

Mã thành viên/*Broker code: 103*

Địa chỉ: Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Address: 4th Floor, Office Building 257 Dien Bien Phu, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại/*Phone: 028.7309 8198*

Fax: 028. 3514 6799

Email: lienhe@lpbs.com.vn

Web: <https://lpbs.com.vn>

2. Nội dung của thông tin công bố/*Content of the disclosed information:*

Thông báo phát hành, Bản cáo bạch chào bán 32 chứng quyền có bảo đảm được đăng tải tại website của Công ty tại mục “LBPS/Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin” hoặc đường dẫn: <https://www.lpbs.com.vn/cong-bo-thong-tin-cat19>.

The Offering Notices and Prospectuses for the 32 Covered Warrants are available on the Company’s website under the “LPBS/Investor Relations/Information Disclosure” section or at the following link: <https://www.lpbs.com.vn/cong-bo-thong-tin-cat19>.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/08/2026 tại đường dẫn: <https://lpbs.com.vn/> mục công bố thông tin.

This information was published on the Company’s website on August 12th, 2026 as in the link: <https://lpbs.com.vn/> under the “Information Disclosure” section.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo phát hành và Bản cáo bạch 32 chứng quyền có bảo đảm/ *The Offering Notices and Prospectuses for the 32 Covered Warrants.*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Organization representative

Người được ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



Trần Thị Thu Hương

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm

Người phụ trách quản trị Công ty

Member of the Board of Directors cum

Corporate Governance Officer

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN LPBANK
LPBANK SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 543/2026/TB-LPBS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, August 12, 2026

THÔNG BÁO/NOTIFICATION

Phát hành chứng quyền có bảo đảm/Issuing covered warrants

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 340/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/08/2026)

(Certificate of registration for offering covered warrants No. 340/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 11/08/2026)

1. Tên tổ chức phát hành: **Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank**
1. Name of the issuing organization: **LPBank Securities Joint Stock Company**
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Head office address: **4th Floor, 257 Dien Bien Phu Office Building, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City**
3. Số điện thoại/Phone number: (028) 7309 8198
4. Số Fax/Fax Number: (028) 3514 6799
5. Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có): Không có
5. Name and address of the underwriting organization (if any): **None**
6. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán:
6. Information about the registered offering of covered warrants:
 - Tên chứng quyền có bảo đảm: **Chứng quyền ACB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/06**
 - Name of the covered warrant: **ACB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/06 Covered Warrant**
 - Mã chứng quyền có bảo đảm (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
 - Code of covered warrant (in case of supplementary issuance announcement): **None**
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **ACB**
 - Name (code) of the underlying security: **ACB**
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu**
 - Issuer of the underlying securities: **Asia Commercial Bank**
 - Loại chứng quyền: **Chứng quyền Mua**
 - Type of warrant: **Call Warrant**
 - Kiểu chứng quyền: **Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn**
 - Type of exercise: **A warrant under which the warrant holder may exercise the rights only on the expiry date**

- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (Việt Nam đồng)
- *Settlement Method: Cash-settled warrant (VND)*
- Thời hạn: **6 tháng**
- *Duration: 6 months*
- Ngày đáo hạn: **15/02/2027**
- *Expiration date: February 15, 2027*
- Tỷ lệ chuyển đổi: **2:1**
- *Conversion ratio: 2:1*
- Giá thực hiện: **21.000 đồng**
- *Exercise price: VND 21,000*
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: **13.750.000.000 đồng**
- *Value of Settlement Collateral: VND 13,750,000,000*
- 7. Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán: **11.000.000 chứng quyền**
- 7. *Number of covered warrants registered for offering: 11,000,000 warrants*
- 8. Giá chào bán: **1.868 đồng/chứng quyền**
- 8. *Offering price: VND 1,868/warrant*
- 9. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đã phát hành (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
- 9. *Number of covered warrants issued (in case of supplementary issuance announcement): None*
- 10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: **100 chứng quyền**
- 10. *Minimum number of subscriptions: 100 warrants*
- 11. Thời gian nhận đăng ký mua: **Từ 09 giờ 00 ngày 14/08/2026 đến 12 giờ 00 ngày 19/08/2026.**
- 11. *Registration period: From 9:00 am on August 14, 2026 to 12:00 am on August 19, 2026.*
- 12. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng quyền và công bố Bản cáo bạch:
- 12. *Location for receiving share subscriptions and publishing the Prospectus:*
- Nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền theo hình thức trực tuyến tại website: www.lptrade.com.vn hoặc đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở và các Chi nhánh của LPBS.
Investors can register to purchase warrants online at the website: www.lptrade.com.vn or register to purchase warrants at the Head Office and branches of LPBS.
- **Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank - Hội sở**
LPBank Securities Joint Stock Company – Head Office
Địa chỉ: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: (028) 730 98198.
Address: 4th Floor, 257 Dien Bien Phu Office Building, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City. Telephone: (028) 730 98198.
- **Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank – Chi nhánh Hà Nội**
LPBank Securities Joint Stock Company – Ha Noi Branch
Địa chỉ: Tầng 2, LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và Số 17 Tông Dân, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (028) 730 98198.
Address: 2nd Floor, LPB Tower, No. 210 Tran Quang Khai Street and No. 17 Tong Dan Street, Hoan Kiem Ward, Ha Noi City. Telephone: (028) 730 98198.

14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư:

14. *Commitment to fulfilling the issuer's obligations to investors:*

Công ty cam kết thực hiện tất cả các nghĩa vụ liên quan của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền như đã công bố theo Bản cáo bạch và quy định pháp luật liên quan.

The Company commits to fulfilling all obligations of the issuer towards warrant holders as disclosed in the Prospectus and in accordance with applicable laws.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Duy Khoa



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 03 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK**

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 79/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 06 năm 2026)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 340/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 8 năm 2026)

CHỨNG QUYỀN **ACB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/06**

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Địa chỉ: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 7309 8198

Fax: (028) 3514 6799

Website: www.lpbs.com.vn

Email: lienhe@lpbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Duy Khoa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

Điện thoại: (028) 7309 8198

NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 79/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 06 năm 2026)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

STT	Khoản mục	Nội dung
1	Tên chứng quyền có bảo đảm	Chứng quyền ACB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/06
2	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	ACB
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
4	Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
5	Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
6	Phương thức thực hiện chứng quyền	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (VND).
7	Thời hạn của chứng quyền	6 tháng
8	Ngày phát hành dự kiến	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của LPBS.
9	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Trước ngày đáo hạn 02 ngày làm việc
10	Ngày đáo hạn dự kiến	Ngày tròn 06 tháng kể từ ngày phát hành
11	Tỷ lệ chuyển đổi	2:1
12	Giá thực hiện cao nhất dự kiến	Không cao hơn 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
13	Giá thực hiện thấp nhất dự kiến	Không thấp hơn 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
14	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	13.750.000.000 đồng (tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán)
15	Tài sản bảo đảm thanh toán	Bằng tiền (VND) hoặc Chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu của LPBS được ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký.
16	Giá chào bán cao nhất dự kiến	2.500 đồng/chứng quyền . Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
17	Giá chào bán thấp nhất dự kiến	1.000 đồng/chứng quyền . Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
18	Tổng số lượng chào bán	11.000.000 chứng quyền
19	Tổng giá trị chào bán	Trong khoảng giá trị: Từ 11.000.000.000 đồng đến 27.500.000.000 đồng

NGÂN HÀNG LƯU KÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THANH TOÁN:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOS số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3821 8812

Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

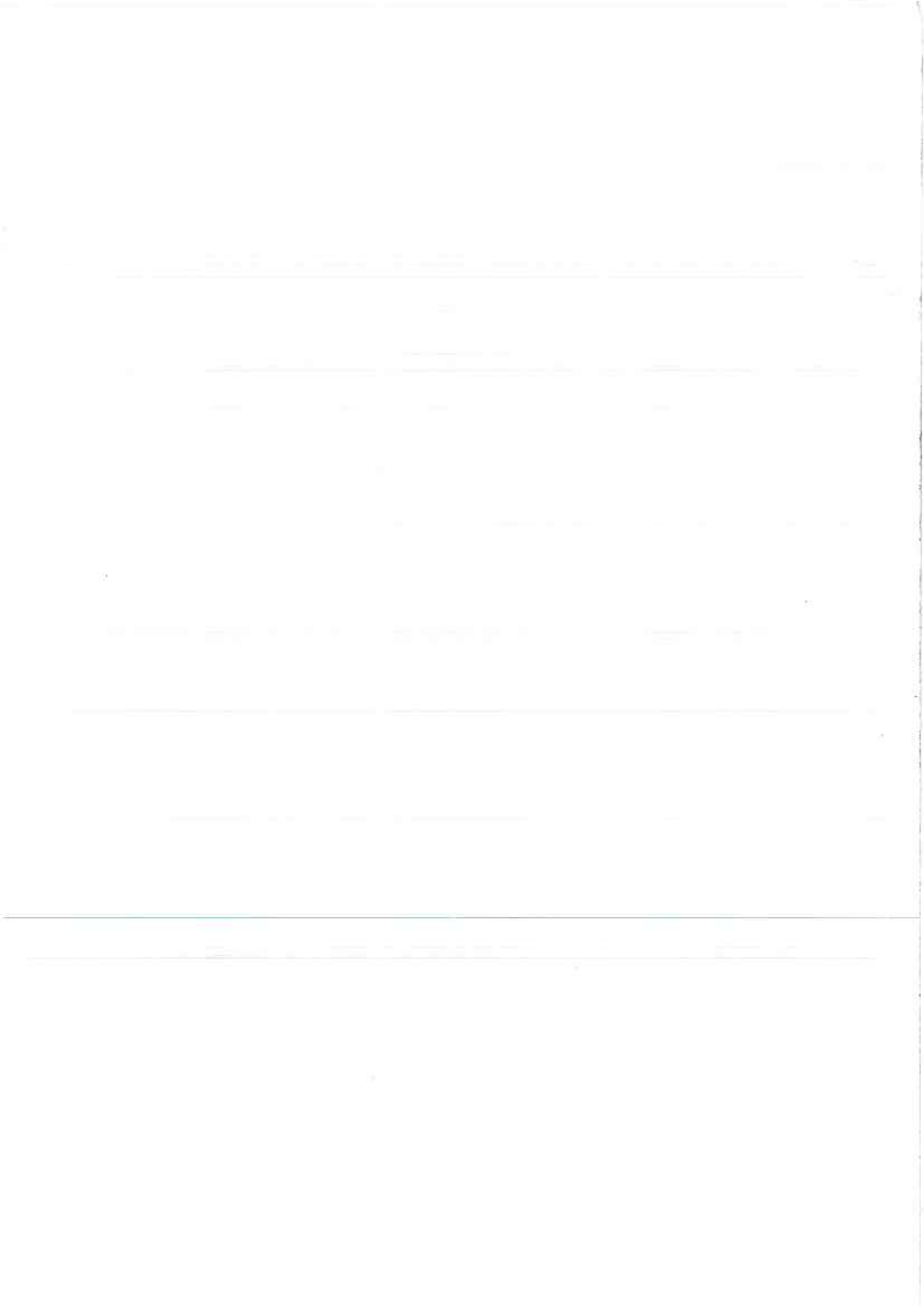
Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (024) 7105 0000

Fax: (024) 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	3
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.....	4
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....	5
4. Các rủi ro khác.....	5
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	6
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn.....	6
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	8
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	8
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	11
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm.....	13
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	13
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	13
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	40
3. Tình hình tài chính.....	46
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	48
1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm.....	48
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	50
3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm.....	52
4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.....	53
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm.....	55
6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm.....	55
7. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm.....	56
8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm.....	57
9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch.....	57
10. Hoạt động tạo lập thị trường.....	58
VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN.....	59
VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	60
1. Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm.....	60
2. Phương án phòng ngừa rủi ro.....	66
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành.....	72
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	74
1. Tổ chức kiểm toán.....	74
2. Ngân hàng lưu ký.....	74
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc Đại lý phát hành, Tổ chức tư vấn.....	74
X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	74
XI. CAM KẾT.....	74
XII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	75
XIII. PHỤ LỤC.....	76

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết: Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: (i) Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán; (ii) Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng; (iii) Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán; (iv) Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn; (v) Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành. Do đó, tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bàn cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.

- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở. Trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.

- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

4.1. Rủi ro về kinh tế

Những biến động của nền kinh tế có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của hầu hết các ngành nghề, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng và được hỗ trợ bởi các chính sách điều tiết của Nhà nước, thị trường vẫn mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, tùy từng thời điểm, việc Chính phủ triển khai các biện pháp tài khóa, tiền tệ hoặc cơ chế quản lý hành chính trong từng giai đoạn cũng có thể tạo ra tác động nhất định đến các hoạt động của doanh nghiệp, đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động theo dõi và thích ứng kịp thời.

Với đặc thù hoạt động hoàn toàn tại thị trường Việt Nam, Tổ chức phát hành chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động của nền kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, qua đó có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh. Nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh, Tổ chức phát hành thường xuyên thực hiện phân tích, đánh giá triển vọng kinh tế vĩ mô, làm cơ sở xây dựng định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán, hoạt động trong lĩnh vực có mức độ điều tiết cao và chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài việc tuân thủ các quy định chung của Luật Doanh nghiệp, Tổ chức phát hành còn chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan đến thị trường vốn, kế toán, thuế và quản trị doanh nghiệp. Do đó, các thay đổi về chính sách pháp luật, điều kiện cấp phép, phạm vi hoạt động hoặc yêu cầu tuân thủ có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành.

Trong bối cảnh khung pháp lý đối với thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện theo thông lệ quốc tế, các yêu cầu về minh bạch thông tin, quản trị rủi ro và tuân thủ có xu hướng ngày càng chặt chẽ hơn, qua đó có thể tạo ra những thách thức nhất định trong quá trình triển khai hoạt động và mở rộng sản phẩm, dịch vụ của các công ty chứng khoán, bao gồm cả Tổ chức phát hành.

Theo quy định pháp luật, công ty chứng khoán phải duy trì đầy đủ các điều kiện hoạt động, bao gồm các chỉ tiêu an toàn tài chính, vốn khả dụng, hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, công nghệ thông tin và các yêu cầu về tổ chức, nhân sự. Trường hợp không đáp ứng đầy đủ các điều kiện này, cơ quan quản lý nhà nước có thể áp dụng các biện pháp quản lý, giám sát hoặc xử lý theo quy định, có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, uy tín và tình hình tài chính của Tổ chức phát hành.

Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch, Tổ chức phát hành đang tuân thủ các quy định pháp luật về điều kiện hoạt động và các chỉ tiêu an toàn tài chính. Tuy nhiên, Công ty không loại trừ khả năng phát sinh rủi ro trong trường hợp điều kiện thị trường biến động mạnh, quy mô hoạt động mở rộng nhanh hoặc xuất hiện các yếu tố khách quan ngoài tầm kiểm soát.

4.3. Rủi ro về chính trị

Là rủi ro do những biến động của những sự kiện chính trị, những thay đổi trong chính sách kinh tế, thương mại, hoặc các chính sách quốc tế khác làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

4.4. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, nhà đầu tư sở hữu chứng quyền còn có thể chịu một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền hoặc tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp làm ảnh hưởng đến giá của chứng quyền. Các rủi ro này có thể bao gồm: thiên tai, dịch họa, lụt lội, cháy nổ, khủng bố, các rủi ro liên quan đến các biến động chính trị, xã hội trên thế giới,....

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank

Ông Nguyễn Duy Khoa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt Anh	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngân	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Bùi Lê Quang	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực, đầy đủ và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- **Chứng quyền có bảo đảm:** Là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng khoán cơ sở (CKCS):** Là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** Là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành): Là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký:** Là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền:** Là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Giá thực hiện:** Là mức giá được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi:** Là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- **Ngày đáo hạn:** Là ngày mà người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi.
- **Chứng quyền đang lưu hành:** Là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành:** Là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền kiểu Châu Âu:** Là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Kiểu thực hiện:** Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:** Là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền xác định theo phương án phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế:** Là vị thế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có, số lượng chứng khoán cơ sở chờ về trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, số lượng chứng khoán phát sinh do thực hiện quyền (trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) từ chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số lượng chứng khoán quy đổi trong trường hợp tổ chức phát hành sử dụng chứng khoán phòng ngừa rủi ro là chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền. Chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền bao gồm chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh và chứng khoán chờ về tài khoản tự doanh.

- **Tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng:** Là tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường.
- **Chứng quyền có lãi (ITM):** Là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền lỗ (OTM):** Là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM):** Là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá thanh toán.
- **Delta:** Là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền:** Là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.
- **UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **SGDCK:** Sở Giao dịch Chứng khoán.
- **HOSE:** Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- **HNX:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- **VSDC:** Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- **LPBS/Tổ chức phát hành chứng quyền:** Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank.
- **ACB/Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.
- **CTCP:** Công ty Cổ phần.
- **TCPH:** Tổ chức phát hành.
- **VND:** Việt Nam đồng.
- **HDQT:** Hội đồng quản trị.
- **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông.

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

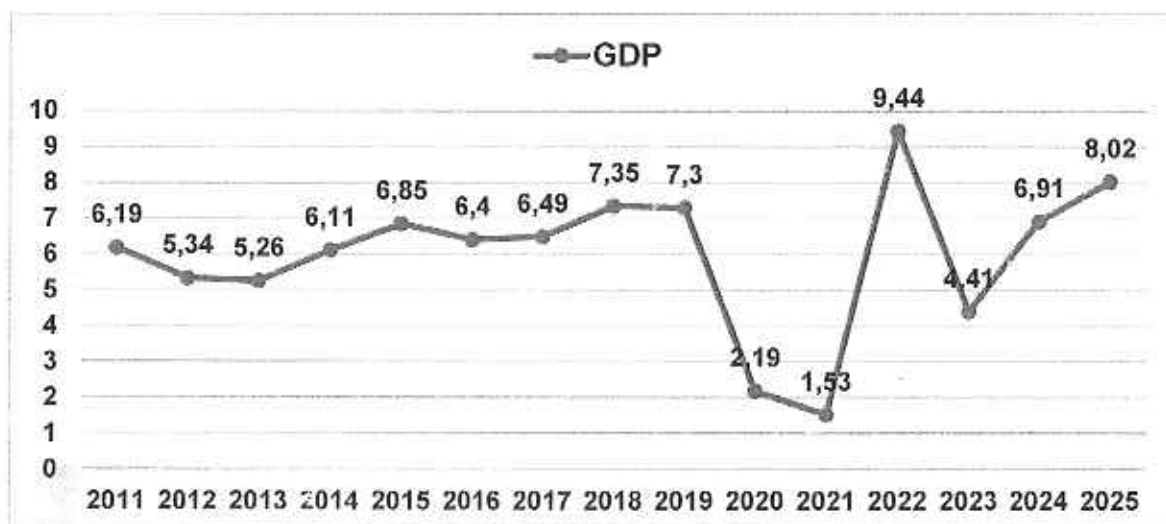
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng đạt 8,02% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; Khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,65%; Khu vực dịch vụ chiếm 42,75%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,96%.

Về quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024 (476 tỷ USD). GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024 (4.700 USD).

Tốc độ tăng GDP qua các năm trong giai đoạn 2011-2025 (%)



(Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính, LPBS tổng hợp)

• Dưới đây là một số điểm đáng lưu ý về tình hình kinh tế Việt Nam năm 2025:

- **Xuất, nhập khẩu hàng hóa:** Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm trước; Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD (năm trước xuất siêu 24,94 tỷ USD).

- **Xuất, nhập khẩu dịch vụ:** Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ đạt 30,31 tỷ USD, tăng 18,9% so với năm trước; Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ đạt 40,54 tỷ USD, tăng 14,0% so với năm trước. Cán cân thương mại dịch vụ nhập siêu 10,23 tỷ USD.

- **Sản xuất công nghiệp:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): Tăng 9,2% so với năm trước (năm 2024 tăng 8,2%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,7%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8% và ngành khai khoáng tăng 0,5%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tăng 9,9% so với năm trước (năm 2024 tăng 11,4%).

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 31/12/2025: Tăng 13,1% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2024 tăng 10,4%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân năm 2025 là 81,1% (năm 2024 là 77,1%).

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp: Tăng 2,4% so với cùng thời điểm năm trước.

- **Đầu tư phát triển:**

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 4.150,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2025, bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,42 tỷ USD, tăng 0,5% so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2025 đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong năm 2025 có 173 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 1,0 tỷ USD, tăng 65,9% so với năm trước; có 32 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh 360,8 triệu USD, gấp hơn 3 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 1.362 triệu USD, tăng 88,7% so với năm trước.

- *Hoạt động dịch vụ:*

- + Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành đạt 7.008,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm trước (năm 2024 tăng 8,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7% (tương đương mức tăng năm 2024).
- + Vận tải hành khách: Đạt 6.183,6 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 22,2% so với năm trước và luân chuyển đạt 312,0 tỷ lượt khách.km, tăng 13,6%.
- + Vận tải hàng hóa: Đạt 3.027,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14,1% so với năm trước và luân chuyển 612,3 tỷ tấn.km, tăng 13,1%.
- + Doanh thu hoạt động viễn thông: Ước đạt 380,0 nghìn tỷ đồng, tăng 6,0% so với năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,8%).
- + Khách quốc tế đến Việt Nam: Đạt gần 21,2 triệu lượt người, tăng 20,4% so với năm trước; số lượt người Việt Nam xuất cảnh là 6,7 triệu lượt người, tăng 26,4%.

- *Chỉ số giá tiêu dùng (CPI):* CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

• **Bước sang Quý II/2026, tình hình kinh tế Việt Nam:**

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2026: Tốc độ tăng ước đạt 8,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,06%, đóng góp 5,65% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,51%, đóng góp 50,07%; khu vực dịch vụ tăng 7,87%, đóng góp 44,28%.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Sáu giảm 0,39% so với tháng trước; tăng 3,21% so với tháng 12/2024 và tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với quý II/2025. Bình quân sáu tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.
- Chỉ số giá vàng tháng Sáu giảm 8,46% so với tháng Năm; tăng 24,11% so với cùng kỳ năm trước; giảm 2,72% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 36,84% so với cùng kỳ năm trước; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 58,12%.
- Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Sáu tăng 0,11% so với tháng trước; tăng 0,57% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,17% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 0,93%; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 1,75%.
- Quy mô giao dịch trên thị trường chứng khoán: giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29.314,7 tỷ đồng/phiên, tương đương với bình quân năm 2025; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 17.072 tỷ đồng/phiên, tăng 11,5%; trên thị trường chứng khoán phái sinh, khối lượng giao dịch bình quân đạt 241.454 hợp đồng/phiên, tương đương với bình quân năm 2025.
- Đầu tư phát triển:
 - + Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý II/2026 theo giá hiện hành ước đạt 1.059,5 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội sáu tháng đầu năm theo giá hiện hành ước đạt 1.807,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước.

- + Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/6/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước.
- + Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong sáu tháng đầu năm 2026 có 94 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 820,3 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước; có 15 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 388,9 triệu USD, gấp 3 lần. Tính chung sáu tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 1,21 tỷ USD, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

• Năm 2025, thị trường tài chính Việt Nam có nhiều điểm đáng chú ý:

- Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết quan trọng: Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân đã thể hiện quyết tâm của Đảng và Chính phủ trong việc đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình phát triển bứt phá, giàu mạnh, hùng cường.
- FTSE Russell công bố thị trường chứng khoán Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí chính thức và được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Việc thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng đang khởi đầu cho giai đoạn phát triển mới với yêu cầu cải cách ngày càng sâu, rộng để đạt những mục tiêu dài hạn trong tương lai. Đặc biệt, việc nâng hạng mở ra cánh cửa đón dòng vốn quốc tế quy mô lớn, thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế; nâng vị thế quốc gia và thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao; tạo động lực mới cho hội nhập tài chính khu vực và thế giới.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế. Thị trường chứng khoán tăng trưởng ổn định, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng 39,1% so với cuối năm 2024. Lãi suất điều hành tiếp tục duy trì ở mức thấp, các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay. Trong tháng 11/2025, lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại trong nước ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,5%-4,3%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,6%-5,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 4,9%-6,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,7%-7,4%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam: Mở rộng cả về quy mô lẫn thanh khoản. VN-Index tăng khoảng 38% so với cuối năm 2024, giá trị giao dịch bình quân đạt gần 29.500 tỷ đồng mỗi phiên. Số lượng tài khoản nhà đầu tư vượt mốc 11 triệu, vượt xa mục tiêu 9 triệu vào năm 2025 và 11 triệu vào năm 2030 theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán của Chính phủ.
- + Về thị trường Cổ phiếu: Tính đến ngày 31/12/2025, chỉ số VNIndex đạt 1.784,49 điểm, tăng 40,9% so với cuối năm 2024; mức vốn hóa thị trường cổ phiếu ước đạt 9.975,4 nghìn tỷ đồng, tăng 39,1%; giá trị giao dịch bình quân đạt 29.328,2 tỷ đồng/phiên, tăng 39,8% so với bình quân năm 2024. Tính đến cuối tháng 11/2025, thị trường cổ phiếu có 721 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết; 878 mã cổ phiếu đăng ký giao dịch với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt 2.637 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9% so với cuối năm 2024.

- + Về thị trường Trái phiếu: Giá trị giao dịch bình quân đạt 15.300 tỷ đồng/phiên, tăng 26,1% so với bình quân năm 2024. Đến cuối tháng 11/2025, thị trường trái phiếu có 473 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 2.623 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so với bình quân năm 2024.
- + Về thị trường Chứng khoán phái sinh: Khối lượng giao dịch bình quân đạt 243.418 hợp đồng/phiên, tăng 15,2% so với bình quân năm 2024. Bên cạnh đó, trong hoạt động đầu tư, số lượng tài khoản của nhà đầu tư tính đến cuối tháng 11/2025 đạt gần 11,6 triệu tài khoản, tăng 2.294,3 nghìn tài khoản so với cuối năm 2024.
- + Về thị trường Chứng quyền có bảo đảm: Cuối năm 2025 có sự sôi động trở lại với khối lượng giao dịch tăng cao, phản ánh tâm lý lạc quan của thị trường chứng khoán chung, dù còn những biến động ngắn hạn và áp lực bán rong từ khối ngoại. Đây là tín hiệu khởi sắc, báo hiệu tiềm năng phát triển mạnh mẽ cho thị trường chứng quyền có bảo đảm trong năm 2026; Mặt khác, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 (Thông tư 122), có hiệu lực kể từ ngày 06/02/2026 thay thế Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm. Thông tư 122 hướng tới mục tiêu điều chỉnh hoạt động chứng quyền có bảo đảm phù hợp với sự phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu của thị trường chứng khoán, đặc biệt trong bối cảnh vốn hóa thị trường tăng nhanh những năm gần đây.

- **Năm 2026:**

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

- + Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

- + Theo Nghị quyết số: 244/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 13/11/2025, các chỉ tiêu chủ yếu đặt ra: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) phần đầu từ 10% trở lên; GDP bình quân đầu người đạt 5.400-5.500 đô la Mỹ (USD); Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,96%; Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%.

- Thị trường chứng khoán:

- + Ngày 08/4/2026, FTSE Russell đã công bố kết quả rà soát giữa kỳ trong khuôn khổ kỳ đánh giá phân loại thị trường chứng khoán tháng 3/2026. Thông báo của FTSE Russell ghi nhận những tiến triển quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam đối với nội dung về việc tiếp cận thị trường Việt Nam thông qua công ty chứng khoán toàn cầu; đồng thời, chính thức xác nhận giữ nguyên lộ trình nâng hạng Việt Nam từ Thị trường Cận biên (Frontier Market) lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp (Secondary Emerging Market) đã được công bố vào tháng 10/2025.

- + Hội đồng Quản trị Chỉ số của FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng từ Thị trường Cận biên lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp và việc phân bổ cổ phiếu Việt Nam vào các chỉ số của FTSE chính thức triển khai từ ngày 21 tháng 9 năm 2026.

- + Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/6/2026, VN-Index dừng tại 1.860,01 điểm, giảm 0,19% so với cuối tháng 5; VN30 cũng giảm nhẹ 0,07%, xuống 1.995,71 điểm. So với cùng kỳ năm trước, VN-Index tăng 35,17%, VN30 tăng 35,07%. Trong tháng 6/2026 ghi nhận khối lượng giao dịch bình quân đạt hơn 632.733 triệu cổ phiếu/ngày với giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 18.419 tỷ đồng/ngày; tương ứng giảm 23,43% về khối lượng và 24,34% về giá trị so với tháng trước. Tính chung cả tháng 06/2026, tổng khối lượng giao dịch trên HOSE đạt 13,92 tỷ cổ phiếu, với tổng giá trị giao dịch đạt 405.226,5 tỷ đồng.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm do công ty chứng khoán phát hành, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Chứng quyền có bảo đảm được đưa ra nhằm đa dạng hóa sản phẩm cho thị trường chứng khoán cũng như giúp nhà đầu tư tận dụng các cơ hội khi thị trường có biến động mạnh để gia tăng hiệu suất đầu tư cũng như để phòng vệ rủi ro cho danh mục của mình. Giá chứng quyền phụ thuộc chủ yếu vào giá chứng khoán cơ sở, cung cầu chứng quyền trên thị trường và một số yếu tố khác. Là sản phẩm có tính đòn bẩy cao, nhà đầu tư có thể bỏ ra số tiền khá nhỏ so với phần lợi nhuận có thể nhận được, trong khi khoản lỗ tối đa được giới hạn ở số tiền bỏ ra ban đầu để mua chứng quyền. Ngoài ra, việc các tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền này sau khi niêm yết cũng góp phần đảm bảo thanh khoản và biên độ giao dịch cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, do sản phẩm chứng quyền có những yếu tố rủi ro đặc thù nên nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm, cân nhắc các lợi ích và rủi ro của sản phẩm này trước khi ra quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trải qua hơn 16 năm thành lập và hoạt động đến nay, Công ty có các mốc sự kiện quan trọng như sau:

Năm	Sự kiện
2009	12/02/2009: Thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex theo Giấy phép số 104/UBCK-GP, với 2 nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán; vốn điều lệ 125 tỷ đồng.
	11/09/2009: Được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK.
2010	20/04/2010: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt theo Giấy phép số 316/UBCK-GP.
2013	06/08/2013: Chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK và chuyển Chi nhánh Hồ Chí Minh ra Hà Nội
2015	23/06/2015: Thay đổi trụ sở chính từ Tầng 11 Tòa nhà LienVietPostBank số 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Dakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tắt Tỏ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2016	25/07/2016: Tăng vốn điều lệ từ 125 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
	24/10/2016: Bổ sung nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2021	29/04/2021: Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK.
2023	15/09/2023: Đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank theo Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK.

Năm	Sự kiện
2024	08/04/2024: Trở thành thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch của Sở GDCK Việt Nam (Quyết định số 13/QĐ-SGDVN).
	08/04/2024: Được kết nối giao dịch trực tuyến với Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 181/QĐ-SGDHCM).
	09/04/2024: Được kết nối giao dịch trực tuyến và giao dịch từ xa với Sở GDCK Hà Nội (Quyết định số 381/QĐ-SGDHN).
	26/04/2024: Tăng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 3.888 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK.
	03/05/2024: Được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho Nhà đầu tư theo Quyết định số 492/QĐ-UBCK.
	06/06/2024: Được cung cấp dịch vụ cho vay ký quỹ theo Quyết định số 630/QĐ-UBCK.
	06/06/2024: Được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo Quyết định số 631/QĐ-UBCK.
	09/07/2024: Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng theo Quyết định số 738/QĐ-UBCK.
2025	15/08/2024: Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK.
	18/06/2025: Thành lập Chi nhánh Cát Linh theo Quyết định số 304/QĐ-UBCK.
	29/10/2025: Tăng vốn điều lệ từ 3.888 tỷ đồng lên 12.668 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK.
	02/12/2025: Được phép phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng theo các Giấy chứng nhận số 457/GCN-UBCK.
2026	26/12/2025: Lần đầu được đăng ký chào bán chứng quyền có đảm bảo theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có đảm bảo.
	22/04/2026: Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính từ Tầng 3, Cao ốc Văn phòng số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh về Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
	14/05/2026: LPBS nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 104/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
	26/06/2026: Tăng vốn điều lệ từ 12.668 tỷ đồng lên 14.086,680 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK.
	26/06/2026: LPBS trở thành công ty đại chúng theo Công văn 5948/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
	20/07/2026: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 607/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần chứng khoán LPBank với mã chứng khoán: LPS, số lượng cổ phiếu niêm yết: 1.408.668.000 cổ phiếu.
2026	27/07/2026: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 1610/TB-SGDHCM về việc niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán LPBank. Theo Thông báo này, số lượng chứng khoán niêm yết: 1.408.668.000 cổ phiếu, ngày chính thức giao dịch: 18/08/2026, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 30.000 đồng/cổ phiếu.

1.2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank thuộc loại hình công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, các luật khác có liên quan và Điều Lệ.

LPBS không có công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết. Công ty có 01 trụ sở chính và 03 chi nhánh với các thông tin như sau:

- **Trụ sở chính:**

- Địa điểm: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

- **Chi nhánh Hà Nội**

- Địa điểm: Tầng 2, LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và Số 17 Tông Đàn, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Giấy phép thành lập: Quyết định số 621/QĐ-UBCK ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán và Quyết định số 462/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập chi nhánh công ty chứng khoán.

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán cho các tổ chức cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia vào các hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam).

- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

- **Chi nhánh Cát Linh**

- Địa điểm: Tầng 3, Số 11A, Phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

- Giấy phép thành lập: Quyết định số 304/QĐ-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2025 về việc chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán.

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Môi giới chứng khoán.

- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

- **Chi nhánh Đà Nẵng**

- Địa điểm: Tầng 1, Số 140 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

- Giấy phép thành lập: Quyết định số 738/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 07 năm 2024 về việc chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán.

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Môi giới chứng khoán.

- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

Cơ cấu tổ chức của LPBS



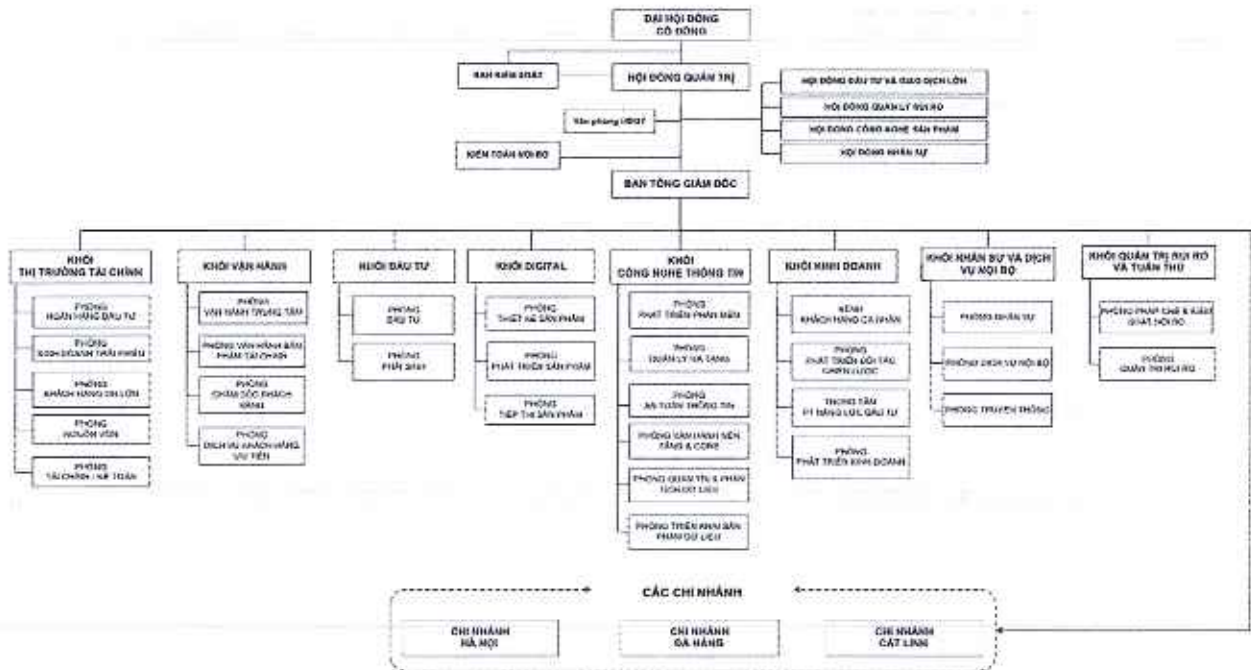
(Nguồn: LPBS)

1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank thuộc loại hình công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Căn cứ Điều lệ Công ty, Nghị quyết số 56/2025/NQ-HĐQT ngày 03/06/2025 về việc ban hành sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank và Nghị quyết HĐQT số 157/2025/NQ-HĐQT ngày 10/12/2025 về việc điều chỉnh và bổ sung sơ đồ tổ chức của Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank, cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ tổ chức của LPBS



1.3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ, bao gồm:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần, số lượng cổ phần được chào bán và mức cổ tức hằng năm;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách, thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt các quy chế quản trị nội bộ; lựa chọn, bãi miễn công ty kiểm toán được chấp thuận;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

1.3.2 Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý công ty với các thành viên được bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm bởi ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch, HĐQT có 08 (tám) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT quyết định và thành lập các Hội đồng trực thuộc HĐQT để phụ trách, phê duyệt và/hoặc quyết định về các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

Các Hội đồng hoạt động theo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các Quyết định/Quy định/Quy trình/Văn bản nội bộ do Chủ tịch HĐQT ban hành. Việc thực thi Quyết định của Hội đồng trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị của LPBS được thành lập theo Quyết định của HĐQT, là đơn vị trực thuộc HĐQT, có thẩm quyền quyết định đầu tư theo mức ủy quyền của HĐQT trong từng thời kỳ. Các Hội đồng hiện tại gồm:

- **Hội đồng Đầu tư và Giao dịch lớn**

Hội đồng Đầu tư và Giao dịch lớn là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT, thực hiện đánh giá, phê duyệt các khoản đầu tư, cho vay ký quỹ thuộc thẩm quyền. Hội đồng đầu tư và Giao dịch lớn chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, cá nhân trong Công ty xây dựng, hoàn thiện và tuân thủ các quy định pháp luật, quy trình thủ tục nội bộ về đầu tư, cho vay ký quỹ, nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả và phù hợp quy định pháp luật.

- **Hội đồng Quản lý rủi ro**

Hội đồng Quản lý rủi ro là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc và các công việc khác theo sự phân công của HĐQT trong việc giám sát, quản lý rủi ro của LPBS, bao gồm: Chiến lược, chính sách, quy trình, khung quản lý rủi ro và hệ thống được LPBS thiết lập để nhận dạng, đánh giá, đo lường, theo dõi và kiểm soát các rủi ro trọng yếu. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của LPBS.
- Nghiên cứu và tham mưu các quy định nội bộ về quản lý rủi ro, theo phân cấp của HĐQT trong từng thời kỳ.
- Phân tích và cung cấp cảnh báo về các rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp ngăn chặn rủi ro.
- Kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả và hiệu lực của Phòng Quản trị rủi ro và của cả hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong LPBS.
- Kiểm soát việc triển khai thực hiện các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định, nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro.
- Các công việc khác do HĐQT phân công, giao thẩm quyền từng thời kỳ và các công việc thuộc trách nhiệm quyền hạn của Hội đồng Quản lý rủi ro được quy định theo các văn bản nội bộ liên quan của LPBS.

- **Hội đồng Công nghệ sản phẩm**

Hội đồng Công nghệ sản phẩm là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến công nghệ và sản phẩm tại LPBS.

- **Hội đồng Nhân sự**

Hội đồng Nhân sự là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự, nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của LPBS.

1.3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Tổ chức phát hành có 03 (ba) thành viên trở lên do ĐHĐCĐ bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

1.3.4 Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc quản lý, điều hành các khối nghiệp vụ và phòng ban của Công ty; có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và quản trị doanh nghiệp. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Quyết định các vấn đề thuộc hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo thẩm quyền;
- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
- Tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền;
- Quyết định tiền lương, lợi ích khác và tuyển dụng người lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị.

1.3.5 Văn phòng Hội đồng quản trị

- Hỗ trợ các thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo các thể chế quản trị khác nhau trong Công ty, phù hợp với các văn bản, quy định nội bộ;
- Tham mưu, giúp việc, hỗ trợ thông báo, đôn đốc, theo dõi, giám sát việc thực hiện và báo cáo công tác triển khai theo Nghị quyết của HĐQT/Hội đồng trực thuộc (nếu có) (bao gồm tiến độ, thời hạn và chất lượng);
- Đảm bảo vai trò độc lập để thực hiện công tác thư ký các cuộc họp ĐHĐCĐ/HĐQT/các Hội đồng trực thuộc theo đúng ý chí/dịnh hướng/chỉ đạo của HĐQT; không bị ảnh hưởng bởi khả năng thực thi của các đơn vị liên quan.

1.3.6 Phòng Kiểm toán nội bộ

Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Phòng Kiểm toán nội bộ có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Đánh giá sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của DIIDCB, HĐQT;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ góp phần bảo đảm cho Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

1.3.7 Hệ thống khối phòng ban

Cơ cấu tổ chức của LPBS bao gồm 08 khối và 29 phòng, cụ thể:

- Khối Thị trường Tài chính
- Khối Vận hành
- Khối Đầu tư
- Khối DIGITAL
- Khối Kinh doanh
- Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ
- Khối Quản trị rủi ro và Tuân thủ
- Khối Công nghệ Thông tin

Các khối thuộc sự điều hành của Giám đốc Điều hành khối. Mỗi khối được chia làm nhiều phòng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn riêng phù hợp với mục tiêu chung của Công ty, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ CBNV trong việc thực thi các mục tiêu kinh doanh và phục vụ khách hàng. Giữa các khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp và họp giao ban toàn hệ thống.

1.3.7.1 Khối Quản trị rủi ro và Tuân thủ

Cơ cấu Khối Quản trị rủi ro và Tuân thủ gồm có 2 phòng:

- **Phòng Quản trị rủi ro**

Phòng Quản trị rủi ro thực hiện chức năng quản trị rủi ro độc lập trong toàn Công ty, có chức năng và nhiệm vụ chính:

- Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro tổng thể: Tham mưu và tổ chức triển khai hệ thống quản trị rủi ro trên toàn Công ty, bao gồm cơ chế nhận diện, đo lường, kiểm soát và giám sát rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh và vận hành; góp phần bảo đảm an toàn tài chính, khả năng chống chịu trước biến động thị trường và rủi ro nội bộ.
- Xây dựng chính sách và khung quản trị rủi ro: Tham mưu Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt chiến lược, khung quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro, các chính sách và quy trình quản trị rủi ro áp dụng cho toàn Công ty và từng mảng nghiệp vụ.
- Giám sát và đánh giá rủi ro độc lập: Thực hiện giám sát việc tuân thủ các chính sách, hạn mức rủi ro đã được phê duyệt; đánh giá độc lập mức độ rủi ro đối với các hoạt động, sản phẩm và quyết

định kinh doanh trọng yếu; theo dõi, cảnh báo kịp thời các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, hoạt động và uy tín của Công ty.

- Báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý rủi ro: Tổng hợp, phân tích và báo cáo Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị về tình hình rủi ro; đề xuất các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu và xử lý rủi ro, bao gồm các phương án ứng phó trong các tình huống bất thường nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh liên tục.
- Rà soát, cải tiến hệ thống quản trị rủi ro: Định kỳ đánh giá mức độ đầy đủ và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro; đề xuất cập nhật, hoàn thiện chính sách, quy trình quản trị rủi ro phù hợp với sự phát triển của hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý và quy định pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác: Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quản trị rủi ro theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

• **Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ**

Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ gồm hai bộ phận: Pháp chế và Kiểm soát nội bộ, thực hiện chức năng tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ và bảo đảm tính minh bạch trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận Pháp chế có chức năng và nhiệm vụ chính:

- Tư vấn pháp lý và bảo đảm tuân thủ: Thực hiện tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trong toàn Công ty; bảo đảm các hoạt động quản lý, kinh doanh và đầu tư của Công ty tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và các quy định nội bộ; góp phần phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro pháp lý.
- Thẩm định pháp lý đối với hoạt động và giao dịch: Tham gia thẩm định pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ, hợp đồng, giao dịch và cấu trúc pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; rà soát các văn bản nội bộ và các thỏa thuận với đối tác nhằm bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với chiến lược hoạt động.
- Quản lý tranh chấp và tố tụng: Phối hợp với các đơn vị liên quan và đối tác bên ngoài trong việc xử lý tranh chấp, khiếu nại và các vấn đề pháp lý phát sinh, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- Cập nhật và phổ biến pháp luật: Theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; đánh giá tác động của các quy định mới và phổ biến kịp thời đến các đơn vị liên quan.
- Làm việc với cơ quan quản lý và công bố thông tin: Chuẩn bị, rà soát và thực hiện việc nộp hồ sơ, báo cáo pháp lý theo quy định tới các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; phối hợp thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác: Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ có chức năng và nhiệm vụ:

- Là đầu mối giám sát việc tuân thủ pháp luật, quy định của ngành chứng khoán và các quy chế nội bộ; phát hiện, cảnh báo rủi ro nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty minh bạch và đúng định hướng quản trị.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, quy chế, quy trình nghiệp vụ và việc hành nghề chứng khoán trong Công ty.

- Giám sát việc thực thi quy định nội bộ, phòng ngừa xung đột lợi ích; giám sát trách nhiệm của cán bộ, nhân viên và đối tác được ủy quyền.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, các quy định về an toàn tài chính, tách biệt và bảo quản tài sản khách hàng, phòng chống rửa tiền.
- Thực hiện kiểm soát sau, kiến nghị và theo dõi việc khắc phục các rủi ro phát sinh theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

1.3.7.2 Khối Thị trường Tài chính

Cơ cấu Khối Thị trường Tài chính gồm có 5 phòng:

- **Phòng Ngân hàng Đầu tư**

Phòng Ngân hàng Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, quản trị doanh nghiệp cho khách hàng và tư vấn tài chính doanh nghiệp cho nội bộ Công ty;
- Tìm kiếm, phát triển quan hệ khách hàng; đàm phán và triển khai các hợp đồng/dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp theo quy định, bao gồm tư vấn thị trường vốn, thị trường nợ, mua bán - sáp nhập và các dịch vụ tư vấn tài chính khác;
- Là đầu mối tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tư vấn tài chính cho nội bộ Công ty như: ĐHĐCĐ, trả cổ tức, tăng vốn, phát hành trái phiếu, công bố thông tin;
- Nghiên cứu, xây dựng, cải tiến các quy chế, quy trình và tài liệu giới thiệu dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Thực hiện báo cáo hoạt động và các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Kinh doanh trái phiếu**

Phòng Kinh doanh trái phiếu có chức năng và nhiệm vụ:

- Triển khai hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu phù hợp chiến lược và quy định của Công ty;
- Tìm kiếm, đánh giá, đề xuất và thực hiện các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu của các định chế tài chính trên thị trường sơ cấp và thứ cấp, bao gồm hoạt động tự doanh và phân phối cho khách hàng;
- Quản lý danh mục đầu tư trái phiếu; theo dõi hiệu quả, rủi ro, hạn mức đầu tư và số dư trái phiếu trong toàn hệ thống;
- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các sản phẩm phân phối trái phiếu; phối hợp với các đơn vị liên quan để vận hành sản phẩm và hệ thống công nghệ phục vụ hoạt động đầu tư, quản lý và phân phối trái phiếu;
- Phân tích thị trường trái phiếu, xu hướng lãi suất và các yếu tố vĩ mô để định hướng hoạt động kinh doanh;
- Thực hiện báo cáo nghiệp vụ và các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn**

Phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn có chức năng và nhiệm vụ:

- Tìm kiếm, phát triển quan hệ với khách hàng doanh nghiệp lớn; đàm phán và triển khai các sản phẩm tài chính theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Công ty;
- Phát triển kinh doanh đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn có cơ chế, điều kiện và quy mô giao dịch đặc thù;
- Gia tăng bán chéo các sản phẩm tài chính của Công ty như: Tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, chứng quyền, phái sinh;
- Xây dựng các sản phẩm, chính sách giá, lãi suất và cơ chế giao dịch phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh với khách hàng doanh nghiệp lớn;
- Quản lý danh mục, hồ sơ khách hàng doanh nghiệp lớn và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

• **Phòng Nguồn vốn**

Phòng Nguồn vốn có chức năng và nhiệm vụ:

- Huy động vốn, quản lý thanh khoản và triển khai hoạt động kinh doanh tiền tệ phù hợp quy định;
- Quản lý cơ cấu tài sản nợ - có, nguồn vốn nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và tuân thủ các quy định an toàn vốn;
- Xây dựng và triển khai kế hoạch huy động vốn ngắn, trung, dài hạn thông qua vay vốn, phát hành trái phiếu, tăng vốn và các sản phẩm gia tăng nguồn tiền;
- Thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ và các giao dịch liên quan đến lãi suất, tỷ giá theo hạn mức được phê duyệt;
- Xây dựng hạn mức, quy trình và nguyên tắc quản trị rủi ro đối với hoạt động nguồn vốn, bao gồm giao dịch tiền gửi và giấy tờ có giá.

• **Phòng Tài chính Kế toán**

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng và nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán tập trung toàn Công ty, bảo đảm phản ánh trung thực, chính xác tình hình tài chính và tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán, quy định pháp luật;
- Lập và quản lý kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh; theo dõi, phân tích hiệu quả tài chính và kiểm soát chi phí hoạt động;
- Thực hiện hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính, nghĩa vụ thuế theo quy định; quản lý các tài khoản của Công ty và tài khoản chuyên dụng của khách hàng; theo dõi công nợ, đối chiếu tiền và đề xuất trích lập dự phòng;
- Phân tích hiệu quả tài chính theo từng bộ phận, sản phẩm; tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị tài chính và quyết định quản lý.

1.3.7.3 Khối Vận hành

Cơ cấu Khối Vận hành gồm có 4 phòng:

• **Phòng Vận hành trung tâm**

Phòng Vận hành trung tâm có chức năng và nhiệm vụ:

- Quản lý và thực hiện các nghiệp vụ giao dịch chứng khoán của khách hàng, bao gồm quản lý tài khoản, lưu ký, thanh toán bù trừ và chuyển quyền sở hữu chứng khoán;
- Kiểm soát nghiệp vụ vận hành, tuân thủ và cải tiến quy trình;
- Quản lý chất lượng dịch vụ, hỗ trợ kinh doanh và đào tạo nội bộ;
- Quản trị dữ liệu vận hành, phối hợp nội bộ, làm việc với các cơ quan quản lý và tham gia phát triển, cải tiến sản phẩm.

- **Phòng Chăm sóc khách hàng**

- Cung cấp và quản lý dịch vụ chăm sóc khách hàng. Đầu mối hỗ trợ khách hàng qua tổng đài, email, quầy giao dịch; quản lý thông tin và tài khoản giao dịch khách hàng; phát triển, cải tiến quy trình nghiệp vụ;
- Kiểm soát nghiệp vụ nội bộ - tuân thủ vận hành; quản lý chất lượng dịch vụ; quản trị dữ liệu vận hành;
- Hỗ trợ kinh doanh và phối hợp liên đơn vị; phối hợp phát triển và cải tiến sản phẩm.

- **Phòng Dịch vụ Khách hàng ưu tiên**

- Là đầu mối tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về giao dịch, tài khoản và sản phẩm dịch vụ chuyên sâu của khách hàng ưu tiên theo chính sách từng thời kỳ;
- Tiếp nhận, xác thực lệnh giao dịch qua kênh chuyên dụng; kiểm soát nghiệp vụ, tuân thủ vận hành và cải tiến quy trình;
- Quản lý chất lượng dịch vụ, quản trị dữ liệu vận hành; hỗ trợ kinh doanh, phối hợp liên đơn vị và tham gia phát triển, cải tiến sản phẩm.

- **Phòng Vận hành Sản phẩm tài chính**

- Vận hành các sản phẩm tài chính: Chứng quyền, phái sinh, chứng chỉ quỹ, hợp tác đầu tư, cấu trúc tài sản và các sản phẩm khác;
- Phát triển, cải tiến quy trình nghiệp vụ; phối hợp phát triển và cải tiến sản phẩm;
- Quản trị dữ liệu vận hành; hỗ trợ kinh doanh và phối hợp liên đơn vị.

1.3.7.4 Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ

Cơ cấu Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ gồm có 3 phòng:

- **Phòng Nhân sự**

- Phòng Nhân sự là đầu mối quản lý công tác nhân sự của Công ty; xây dựng và vận hành chính sách, quy trình quản trị nhân sự phù hợp với định hướng chiến lược.
- Phòng thực hiện hoạch định cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, quản lý hồ sơ và dữ liệu nhân sự; tổ chức đánh giá hiệu quả công việc, xây dựng chính sách tiền lương, thưởng và đãi ngộ.
- Đồng thời, Phòng Nhân sự triển khai đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, quản lý quan hệ lao động và phối hợp xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- **Phòng Dịch vụ nội bộ**

- Phòng Dịch vụ nội bộ chịu trách nhiệm quản lý và vận hành các hoạt động hành chính, cơ sở vật chất, hậu cần và môi trường làm việc của Công ty.

- Phòng thực hiện quản lý chi phí hành chính; mua sắm, quản lý tài sản; tổ chức công tác lễ tân, văn thư và các thủ tục hành chính.
- Bên cạnh đó, Phòng Dịch vụ nội bộ triển khai phúc lợi, tổ chức sự kiện nội bộ; quản lý công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy và giám sát nhà cung cấp dịch vụ.

- **Phòng Truyền thông**

- Phòng Truyền thông chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông tổng thể, quản lý thương hiệu và hình ảnh của Công ty.
- Phòng lập và thực hiện kế hoạch truyền thông; quản lý hệ thống nhận diện thương hiệu; sản xuất và phân phối nội dung truyền thông.
- Đồng thời, Phòng Truyền thông triển khai truyền thông nội bộ, tổ chức sự kiện, duy trì quan hệ báo chí và quản lý danh tiếng thương hiệu.

1.3.7.5 Khối Đầu tư

Cơ cấu Khối Đầu tư gồm có 2 phòng:

- **Phòng Đầu tư**

Phòng Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Đầu tư thực hiện quản lý danh mục đầu tư tự doanh của Công ty, bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền và phái sinh theo chiến lược, khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt.
- Phòng nghiên cứu thị trường, ngành và doanh nghiệp để đề xuất cơ hội đầu tư; xây dựng và triển khai chiến lược đầu tư trung, dài hạn; theo dõi, đánh giá hiệu quả danh mục và quản trị rủi ro đầu tư theo quy định.
- Bên cạnh đó, Phòng Đầu tư tham gia tư vấn, thẩm định và thực hiện các khoản đầu tư chiến lược, góp vốn, mua bán - sáp nhập; chuẩn hóa quy trình quản trị đầu tư, phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

- **Phòng Phái sinh**

Phòng Phái sinh có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phái sinh triển khai hoạt động kinh doanh và giao dịch các sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật, bao gồm hợp đồng tương lai chỉ số và trái phiếu chính phủ.
- Phòng nghiên cứu, xây dựng chiến lược giao dịch, phát triển sản phẩm; quản lý, giám sát rủi ro giao dịch phái sinh, bảo đảm tuân thủ quy định về ký quỹ, giới hạn vị thế và xử lý vi phạm.
- Đồng thời, Phòng Phái sinh thực hiện tư vấn, đào tạo khách hàng; phối hợp với các đơn vị liên quan trong vận hành, công nghệ và kiểm soát rủi ro; ứng dụng công nghệ và phát triển đội ngũ chuyên môn nhằm mở rộng thị phần và nâng cao chất lượng dịch vụ.

1.3.7.6 Khối Digital

Cơ cấu Khối Digital gồm có 3 phòng:

- **Phòng Thiết kế Sản phẩm**

Phòng Thiết kế Sản phẩm số có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Thiết kế Sản phẩm chịu trách nhiệm thiết kế sản phẩm tài chính số từ góc nhìn người dùng, bao gồm trải nghiệm (UX), giao diện (UI) và hành trình số trên các nền tảng Web/Mobile.
- Phòng thu thập, phân tích yêu cầu nghiệp vụ; đóng gói sản phẩm số; xây dựng và duy trì hệ thống thiết kế chuẩn hóa; phối hợp với các đơn vị liên quan để bảo đảm sản phẩm được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp định hướng thương hiệu.

- **Phòng Phát triển Sản phẩm**

Phòng Phát triển Sản phẩm số có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Sản phẩm thực hiện hiện thực hóa thiết kế thành các sản phẩm số (Web/App) ổn định, an toàn và có khả năng mở rộng.
- Phòng phát triển, vận hành và tích hợp hệ thống với core giao dịch; ứng dụng phương pháp phát triển linh hoạt, tăng cường bảo mật, giám sát hệ thống và nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới nhằm hỗ trợ chiến lược số hóa và mục tiêu kinh doanh của Công ty.

- **Phòng Tiếp thị Sản phẩm**

Phòng Tiếp thị Sản phẩm có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Tiếp thị Sản phẩm chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các chiến lược tiếp thị sản phẩm số nhằm gia tăng nhận diện, mở rộng tệp khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng người dùng.
- Phòng lập kế hoạch truyền thông, triển khai marketing đa kênh, đo lường hiệu quả dựa trên dữ liệu; nghiên cứu thị trường, hành vi người dùng và phối hợp các đơn vị liên quan để tối ưu hiệu quả kinh doanh và định vị thương hiệu sản phẩm số.

1.3.7.7 Khối Công nghệ Thông tin (CNTT)

Cơ cấu Khối Công nghệ Thông tin gồm có 6 phòng:

- **Phòng Phát triển Phần mềm**

Phòng Phát triển Phần mềm có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Phần mềm chịu trách nhiệm phát triển, nâng cấp và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán và vận hành nội bộ.
- Phòng phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ để thu thập yêu cầu, thiết kế giải pháp, bảo đảm chất lượng phần mềm, trải nghiệm người dùng và tính ổn định của hệ thống; xây dựng kiến trúc phần mềm mở rộng, ứng dụng công nghệ mới và chuẩn hóa quy trình phát triển theo định hướng số hóa của Công ty.

- **Phòng Quản lý Hạ tầng**

Phòng Quản lý Hạ tầng có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Quản lý Hạ tầng chịu trách nhiệm triển khai, vận hành và giám sát hạ tầng CNTT và cơ sở dữ liệu tại Data Center, Cloud và toàn hệ thống.
- Phòng bảo đảm an toàn, hiệu năng và tính liên tục của hạ tầng; quản lý sao lưu, khôi phục dữ liệu, an ninh hệ thống; quản lý tài sản CNTT, ngân sách, đối tác công nghệ và tuân thủ yêu cầu của các cơ quan quản lý.

- **Phòng An toàn thông tin**

Phòng An toàn thông tin có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng An toàn Thông tin chịu trách nhiệm quản trị, giám sát và bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống CNTT, dữ liệu và dịch vụ của Công ty.
- Phòng xây dựng và triển khai chính sách, giải pháp an toàn thông tin; thực hiện kiểm thử, giám sát, ứng phó sự cố; bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và nâng cao nhận thức an toàn thông tin trong toàn Công ty.

- **Phòng Vận hành Nền tảng và Core**

Phòng Vận hành nền tảng Core có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Vận hành Nền tảng và Core chịu trách nhiệm quản lý kiến trúc công nghệ, vận hành các hệ thống Core chứng khoán và ứng dụng liên quan.
- Phòng triển khai tự động hóa DevSecOps, quản lý thay đổi, giám sát vận hành hệ thống, phối hợp xử lý sự cố và bảo đảm các hệ thống hoạt động ổn định, an toàn theo cam kết chất lượng dịch vụ (SLA).

- **Phòng Quản trị và Phân tích dữ liệu**

Phòng Quản trị và Phân tích dữ liệu có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Quản trị và Phân tích Dữ liệu chịu trách nhiệm xây dựng, vận hành hệ sinh thái dữ liệu tập trung của Công ty.
- Phòng quản trị dữ liệu, phát triển nền tảng Data Lake/Data Warehouse, hệ thống BI; khai thác dữ liệu, AI và các công nghệ phân tích nhằm hỗ trợ ra quyết định, tối ưu vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ.

- **Phòng Triển khai Sản phẩm dữ liệu**

Phòng có chức năng và nhiệm vụ:

- Tư vấn và thiết kế các sản phẩm dữ liệu từ hệ sinh thái dữ liệu phù hợp với yêu cầu quản trị kết quả hoạt động kinh doanh, chiến lược phát triển của Công ty.
- Phối hợp xây dựng các sản phẩm dữ liệu; đảm bảo triển khai đến người dùng sử dụng hiệu quả, chính xác.
- Quản lý các sản phẩm dữ liệu nhằm đảm bảo phân quyền truy cập phù hợp với vai trò người dùng, mức độ bảo mật dữ liệu.

1.3.7.8 Khối Kinh doanh

Cơ cấu Khối Kinh doanh gồm có 1 kênh bán, 2 phòng và 1 trung tâm:

- **Kênh Khách hàng Cá nhân**

Kênh Khách hàng Cá nhân có chức năng và nhiệm vụ:

- Kênh Khách hàng Cá nhân thực hiện tư vấn, cung cấp dịch vụ giao dịch và sản phẩm tài chính cho nhà đầu tư cá nhân theo nhu cầu và phân khúc khách hàng.

- Kênh chịu trách nhiệm phát triển khách hàng, quản lý chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng; phối hợp triển khai sản phẩm, chính sách kinh doanh và bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ.

• **Phòng Phát triển Đối tác chiến lược**

Phòng Phát triển Đối tác chiến lược có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Đối tác Chiến lược chịu trách nhiệm phát triển, quản lý quan hệ hợp tác với khách hàng tổ chức và hệ thống đối tác kinh doanh.

- Phòng thiết kế và triển khai các chương trình hợp tác, quản lý hiệu quả đối tác; cung cấp giải pháp tài chính, sản phẩm chứng khoán cho khách hàng tổ chức; phối hợp các đơn vị liên quan để phát triển khách hàng, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

• **Phòng Phát triển Kinh doanh**

Phòng Phát triển Kinh doanh có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Kinh doanh là đơn vị xây dựng chính sách, chương trình thúc đẩy kinh doanh và hỗ trợ vận hành toàn Khối Kinh doanh.

- Phòng tham gia xây dựng và theo dõi kế hoạch kinh doanh; tổng hợp, phân tích dữ liệu, báo cáo MIS; xây dựng chính sách KPIs, hoa hồng; quản lý công cụ bán hàng, quy trình kinh doanh và phối hợp đào tạo, triển khai sản phẩm trong đội ngũ kinh doanh.

• **Trung tâm Phát triển Năng lực Đầu tư**

Trung tâm Phát triển Năng lực Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- Trung tâm Phát triển Năng lực Đầu tư thực hiện đào tạo, nâng cao kiến thức và kỹ năng đầu tư cho khách hàng và lực lượng bán theo từng cấp độ.

- Trung tâm xây dựng khung năng lực, triển khai đào tạo, nghiên cứu thị trường và phối hợp phát triển các nội dung, công cụ hỗ trợ tư vấn đầu tư và phân bổ tài sản.

1.3.7.9 Chi nhánh

Các Chi nhánh thực hiện hoạt động kinh doanh trực tiếp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng trong phạm vi Giấy phép được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

1.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan.

- Danh sách Cổ đông nắm giữ tỷ lệ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan của cổ đông tại ngày 30/06/2026, chi tiết như sau:

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	SLCP năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Nguyễn Thị Minh Anh - <i>Nguyễn Quốc Anh: Em trai⁽¹⁾</i>	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.	123.411.556	8,76%

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	SLCP năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
2	Nguyễn Xuân Thái - Nguyễn Ngọc Mỹ Anh: Chị gái - Nguyễn Đức Thụy: Bố đẻ ⁽²⁾	KĐT Yên Hòa, Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.	190.020.000	13,49%
3	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh - Nguyễn Xuân Thái: Em trai - Nguyễn Đức Thụy: Bố đẻ ⁽²⁾	KĐT Yên Hòa, Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.	190.020.000	13,49%
4	Ngô Quyết Tiến - Đặng Thị Thu Hà: Vợ ⁽³⁾	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.	122.684.741	8,71%
5	Phạm Thu Hằng - Phạm Xuân Nam: chồng ⁽⁴⁾	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.	117.225.946	8,32%

- Danh sách những người có liên quan của cổ đông nắm giữ tỷ lệ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty tại ngày 30/06/2026, chi tiết như sau:

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	SLCP năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
(1)	Nguyễn Quốc Anh	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.	63.000.000	4,47%
(2)	Nguyễn Đức Thụy	KĐT Yên Hòa, Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.	62.706.000	4,45%
(3)	Đặng Thị Thu Hà	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.	200.000	0,01%
(4)	Phạm Xuân Nam	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.	200.000	0,01%

Căn cứ quy định của pháp luật về chứng khoán và thông tin do các cổ đông cung cấp, các mối quan hệ người có liên quan giữa các cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Công ty được xác định chủ yếu trên cơ sở quan hệ gia đình trực hệ và quan hệ hôn nhân, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Minh Anh là cổ đông nắm giữ 8,76% vốn điều lệ Công ty; ông Nguyễn Quốc Anh là em trai của bà Nguyễn Thị Minh Anh và là người có liên quan theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Nhóm cổ đông Nguyễn Xuân Thái - Nguyễn Ngọc Mỹ Anh - Nguyễn Đức Thụy có quan hệ gia đình, trong đó: Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh và Ông Nguyễn Xuân Thái là chị em ruột; ông Nguyễn Đức Thụy là bố đẻ của bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh và ông Nguyễn Xuân Thái. Trong nhóm này, bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh và ông Nguyễn Xuân Thái mỗi người nắm giữ 13,49% vốn điều lệ Công ty và là cổ đông lớn theo quy định; ông Nguyễn Đức Thụy nắm giữ 4,45% vốn điều lệ và là người có liên quan của các cổ đông lớn nêu trên. Nhóm cổ đông Nguyễn Ngọc Mỹ Anh - Nguyễn Xuân Thái - Nguyễn Đức Thụy cùng với người có liên quan (theo quy định của Luật Chứng khoán) không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại bất kỳ công ty chứng khoán nào khác theo quy định tại Điều 74 Luật Chứng khoán.

- Ông Ngô Quyết Tiến là cổ đông nắm giữ 8,71% vốn điều lệ Công ty; bà Đặng Thị Thu Hà là vợ của ông Ngô Quyết Tiến và là người có liên quan theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Bà Phạm Thu Hằng là cổ đông nắm giữ 8,32% vốn điều lệ Công ty; ông Phạm Xuân Nam là chồng của bà Phạm Thu Hằng và là người có liên quan theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

1.5. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”. Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank được thành lập vào ngày 12/02/2009, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

Không có.

1.7. Thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành

• Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm có 08 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Nguyễn Duy Khoa	Chủ tịch HĐQT	1984
2	Vũ Thanh Huệ	Phó Chủ tịch HĐQT	1985
3	Phan Thành Sơn	Thành viên độc lập HĐQT	1992
4	Phạm Thị Duyên	Thành viên độc lập HĐQT	1983
5	Trần Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	1986
6	Hoàng Duy Hiền	Thành viên HĐQT	1977
7	Nguyễn Xuân Thái	Thành viên HĐQT	2003
8	Hoàng Việt Anh	Thành viên HĐQT	1988

1. Nguyễn Duy Khoa – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Duy Khoa
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1984
 Nơi sinh : Tây Thuận, Tây Sơn, Bình Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Thị trường Tài chính – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính số 001707/PTTC do UBCKNN cấp ngày 29/06/2010.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2007	CTCP Chứng khoán Thăng Long (MBS)	Nhân viên Môi giới
2008 - 2012	CTCP Chứng khoán Kim Eng Việt Nam	Giám đốc Chi nhánh
2013 - 2017	CTCP Chứng khoán SSI	Giám đốc Khối Môi giới
2018 - 2020	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Phó Tổng Giám đốc
2021 - 2023	CTCP Chứng khoán VNDirect	Giám đốc Khối Khách hàng DN
2023 - 2024	CTCP Quản lý Quỹ Red Capital	Giám đốc Đầu tư
02/2025 - 04/2025	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT
05/2025 - 07/2025	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
07/2025 - 01/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
23/01/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa SACOM (trước đây là CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Lộc Phát Việt Nam)	Chủ tịch HĐQT
21/04/2026 - nay	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	Chủ tịch HĐQT

2. Vũ Thanh Huệ – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Vũ Thanh Huệ

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1985

Nơi sinh : TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2008 - 09/2013	CTCP Quản lý quỹ đầu tư MB	Chuyên viên Pháp chế
03/2015 - 12/2018	CTCP Tập đoàn F.I.T	Thư ký HĐQT
01/2019 - 06/2019	Công ty Luật TNHH Vietthink	Luật sư tư vấn
10/2019 - 08/2020	CTCP Thaiholdings	Trưởng phòng Pháp chế

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2020 - 06/2022	CTCP Quốc tế Sơn Hà	Trưởng phòng Pháp chế
06/2022 - 09/2022	CTCP Thaiholdings	Giám đốc Ban Pháp chế
09/2022 - nay	CTCP Thaiholdings	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người phụ trách quản trị công ty
04/2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Thành viên HĐQT
04/2023 - 08/2023	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
08/2023 - 12/2023	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
12/2023 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Phó Chủ tịch HĐQT
12/2023 - nay	CTCP Phát triển Bất động sản Thaihomes	Chủ tịch HĐQT
04/2024 - nay	CTCP Du lịch Kim Liên	Thành viên HĐQT
23/01/2026 - 31/05/2026	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa SACOM (trước đây là CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Lộc Phát Việt Nam)	Thành viên HĐQT

3. Phan Thành Sơn – Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên : Phan Thành Sơn
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1992
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng – Trường Đại học Xây dựng quốc gia Moscow

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 - 2019	CTCP TEXO Tư vấn và Đầu tư	Cán bộ TVGS
2019 - 2022	CTCP Mastereal	Chuyên viên phân tích đầu tư
2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Trưởng bộ phận Quản lý Đầu tư
03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT

4. Phạm Thị Duyên – Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên : Phạm Thị Duyên
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1983
 Nơi sinh : Ninh Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật Kinh doanh, Khoa Luật – Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2008 - 06/2011	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	Chuyên viên Phòng Pháp chế
06/2011 - 09/2013	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	Trưởng Bộ phận Phòng Pháp chế
09/2013 - 09/2017	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	Phó Trưởng Phòng Pháp chế
09/2017 - nay	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (nay là Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam)	Trưởng Phòng Pháp chế
18/06/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT

5. Hoàng Duy Hiền – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Hoàng Duy Hiền
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1977
 Nơi sinh : Hòa Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư – Đại học Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 - 2008	Công ty TNHH Tin học Thiên Nam	Giám đốc Trung tâm Phát triển Phần mềm
2008 - 2015	CTCP Tin học Á Châu	Phó giám đốc Chi nhánh Hà Nội; Trưởng phòng Phát triển phần mềm
2015 - 2017	CTCP Giải pháp Quản lý SSG	Phụ trách VPĐD II Hà Nội

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2017 - 05/2023	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó Giám đốc Khối CNTT
05/2023 - 12/2024	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Giám đốc Khối CNTT
12/2024 - nay	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó Giám đốc Khối CNTT
12/2024 - 04/2025	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT
05/2025 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT

6. Trần Thị Thu Hường – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Trần Thị Thu Hường
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1986
 Nơi sinh : Hải Dương
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Bách Khoa Hà Nội.
 Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001438/QLQ do UBCKNN cấp 30/06/2016.
 Chứng chỉ đào tạo Thẩm định viên về giá.
 Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 - 10/2010	CTCP Chứng khoán An Bình	Chuyên viên Phân tích đầu tư
11/2010 - 04/2023	CTCP Chứng khoán LPBank (tiền thân là CTCP Chứng khoán Liên Việt)	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Trưởng Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Chuyên viên Phòng Dịch vụ Chứng khoán Chuyên viên Phòng Đầu tư
04/2023 - 12/2024	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tiền thân là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)	Trưởng Phòng Quan hệ cổ đông và Nhà đầu tư - Văn phòng HĐQT LPBank
12/2024 - 25/12/2025	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó phòng Trợ lý và Thư ký - Văn phòng Quản trị LPBank
12/2025 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
08/12/2025 - nay	CTCP Quản lý quỹ LPB	Thành viên HĐQT
27/03/2025 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Người phụ trách quản trị Công ty
21/05/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Người được ủy quyền Công bố thông tin

7. Nguyễn Xuân Thái – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Xuân Thái
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 2003
 Nơi sinh : Ninh Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Đại học Massachusetts Boston, Mỹ

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2025 - nay	CTCP Đầu tư Thể thao Phù Đổng	Thành viên HĐQT
03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
23/01/2026 - 31/05/2026	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa SACOM (trước đây là CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Lộc Phát Việt Nam)	Thành viên HĐQT
01/06/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa SACOM	Phó Chủ tịch HĐQT

8. Hoàng Việt Anh – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Hoàng Việt Anh
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1988
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính - Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh.
 Chứng chỉ CMT do Hiệp hội CMT cấp.
 Chứng chỉ CFA do Hiệp hội CFA cấp.
 Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 003184/QLQ do UBCKNN cấp 24/12/2025.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2011-04/2020	Ngân hàng MSB	Giám đốc Giao dịch ngoại tệ, trái phiếu và phái sinh
04/2020 - 06/2022	Công ty Chứng khoán Pinetree	Giám đốc Nguồn vốn và Đầu tư

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2022 - 09/2023	CTCP Chứng khoán VNDirect	Giám đốc Quản lý Tài khoản Khách hàng lớn (AM)
09/2023 - 04/2025	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Trưởng bộ phận Tư vấn Đầu tư
05/2025 - 21/01/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại
22/01/2026 - 03/02/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Tổng Giám đốc
03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

• **Ban kiểm soát:**

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Bùi Lê Quang	Trưởng BKS	1969
2	Nguyễn Bảo Lâm	Thành viên BKS	1995
3	Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên BKS	1989

1. Bùi Lê Quang – Trưởng BKS

Họ và tên : Bùi Lê Quang
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1969
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG Hà Nội)

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 2002	Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thăng Lợi	Trưởng phòng Đại lý
2002 - 2004	CTCP Du lịch Bưu Điện	Chuyên viên Phòng Kế hoạch
2004 - 2007	CTCP In Bưu Điện	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học
2007 - nay	Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng TNHH MTV Aeon (tiền thân là Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện)	Trưởng phòng Đầu tư Tài chính

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - 2013	CTCP Đầu tư và Phát triển SACOM	Trưởng BKS
2011 - 2017	Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam	Phó Chủ tịch
2012 - 2015	CTCP Thủy điện Quế Phong	Thành viên HĐQT
2012 - 2018	CTCP Đầu tư Thương mại Việt Nhật	Thành viên HĐQT
2018 - 2023	CTCP Dịch vụ Số liệu Toàn Cầu	Thành viên BKS
05/2024 - 06/2025	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT
25/04/2024 - nay	CTCP Du lịch Kim Liên	Trưởng BKS
26/04/2024 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Trưởng BKS

2. Nguyễn Bảo Lâm – Thành viên BKS

Họ và tên : Nguyễn Bảo Lâm
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1995
 Nơi sinh : Điện Biên
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kiểm toán – Học viện Tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2017 - 09/2019	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	Kiểm toán viên
10/2019 - 01/2020	CTCP Tập đoàn TH	Kiểm toán nội bộ
01/2020 - nay	CTCP Thaiholdings	Kiểm toán nội bộ
04/2024 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên BKS

3. Bùi Thị Thanh Nhân – Thành viên BKS

Họ và tên : Bùi Thị Thanh Nhân
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1989
 Nơi sinh : Khánh Cường, Yên Khánh, Ninh Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tổng hợp - Đại học Kinh tế Quốc dân

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2012 - 06/2013	Công ty TNHH Xây dựng Xuân Khiêm	Nhân viên Kế toán
09/2013 - 05/2015	CTCP Xuân Thành Group	Nhân viên Kế toán
06/2015 - 03/2017	CTCP Tập đoàn Thaingroup	Nhân viên Kế toán
04/2017 - 04/2018	CTCP Xuân Thành Group	Nhân viên Kế toán
05/2018 - 06/2019	Văn phòng đại diện CTCP - Tập đoàn Thaingroup tại Hà Nội	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
04/2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Thành viên BKS
04/2023 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên BKS

• **Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc	1988
2	Nguyễn Thị Ngân	Kế toán trưởng	1982

1. Hoàng Việt Anh – Tổng Giám đốc

Họ và tên : Hoàng Việt Anh

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1988

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính - Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh.
 Chứng chỉ CMT do Hiệp hội CMT cấp.
 Chứng chỉ CFA do Hiệp hội CFA cấp.
 Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 003184/QLQ do UBCKNN cấp 24/12/2025.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2011-04/2020	Ngân hàng MSB	Giám đốc Giao dịch ngoại tệ, trái phiếu và phái sinh

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2020 - 06/2022	Công ty Chứng khoán Pinetree	Giám đốc Nguồn vốn và Đầu tư
06/2022 - 09/2023	CTCP Chứng khoán VNDirect	Giám đốc Quản lý Tài khoản Khách hàng lớn (AM)
09/2023 - 04/2025	Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam	Trưởng bộ phận Tư vấn Đầu tư
05/2025 - 21/01/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại
22/01/2026 - 03/02/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Tổng Giám đốc
03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

2. Nguyễn Thị Ngân – Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Thị Ngân

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1982

Nơi sinh : Xã Kê Sặt, TP. Hải Phòng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán số 00048/MGCK do UBCKNN cấp ngày 16/02/2009.

Chứng chỉ Kế toán quản trị do CMA Australia tại Việt Nam cấp.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 03/2007	CTCP Hianamco	Kế toán tổng hợp
03/2007 - 04/2014	CTCP Chứng khoán Sacombank	Trưởng Bộ phận Kế toán - CNHN
05/2014 - 05/2016	CTCP Chứng khoán SHBS	Phó phòng Kế toán
06/2016 - 12/2021	CTCP Chứng khoán Ascan	Kế toán trưởng
2022 - 06/2023	CTCP Công nghệ Sapo	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
09/2023 - 10/2025	CTCP Quản lý Quỹ Amber	Kế toán trưởng
28/10/2025 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Kế toán trưởng

1.8. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền:
Kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Đào Thiên Hương	Chuyên gia Phòng Quản trị rủi ro	1986
2	Cao Phạm Hoàng Long	Chuyên gia Phòng Quản trị rủi ro	1993

1. Đào Thiên Hương -- Chuyên gia Phòng Quản trị rủi ro

Họ và tên : Đào Thiên Hương

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1986

Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính.

Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 002718/QLQ do UBCKNN cấp ngày 20/02/2025.

Chứng chỉ chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh số 46 PS142017/QĐ-ĐT ngày 14/09/2017.

Kinh nghiệm, uy tín, năng lực : 14 năm trong lĩnh vực chứng khoán về Quản trị rủi ro tại các công ty chứng khoán.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2012 - 04/2020	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Chuyên viên Quản lý rủi ro
04/2020 - 05/2024	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	Trưởng phòng cấp cao Quản trị rủi ro
06/2024 - 10/2024	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro thanh khoản và thị trường
12/2024 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Chuyên gia Phòng Quản trị rủi ro

2. Cao Phạm Hoàng Long - Chuyên gia Phòng Quản trị rủi ro

Họ và tên	: Cao Phạm Hoàng Long
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1993
Nơi sinh	: TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Kinh tế. Chứng chỉ hành nghề phân tích số 002876/PTTC do UBCKNN cấp ngày 22/04/2024. Chứng chỉ chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh số 31 PS042021/QĐ-ĐT ngày 11/05/2021.
Kinh nghiệm, uy tín, năng lực	: Hơn 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị rủi ro tại các công ty chứng khoán.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2020-08/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Chuyên viên Quản trị rủi ro
01/2024-04/2025	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	Chuyên viên cao cấp Quản trị rủi ro
05/2025-nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Chuyên gia Phòng Quản trị rủi ro

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành

LPBS tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập năm 2009 và hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ chứng khoán và đầu tư tài chính. Trong những năm gần đây, Công ty tập trung củng cố nền tảng tài chính, hoàn thiện hệ thống quản trị và nâng cao năng lực nghiệp vụ, đồng thời, phát triển các sản phẩm và dịch vụ đầu tư phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, gắn với các công cụ quản lý và phòng ngừa rủi ro. Với định hướng phát triển dài hạn, LPBS chú trọng đầu tư đồng bộ vào sản phẩm - dịch vụ, hạ tầng hệ thống và nguồn nhân lực, nhằm nâng cao chất lượng tư vấn, hiệu quả cung cấp dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Trên cơ sở đó, Công ty hướng tới việc xây dựng vị thế cạnh tranh bền vững trên thị trường, từng bước mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực phục vụ khách hàng cá nhân và tổ chức.

LPBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán như sau: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

• **Các hoạt động kinh doanh chính của LPBS:** Môi giới chứng khoán; Cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính doanh nghiệp và Đại lý phát hành chứng khoán. Chi tiết các hoạt động như sau:

❖ Môi giới chứng khoán:

Trong những năm qua, LPBS đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong mảng môi giới chứng khoán cơ sở.

Năm 2025, LPBS mở mới hơn 17.304 tài khoản, nâng tổng số tài khoản lên 25.581, gấp 1,4 lần so với cuối 2024. Tổng giá trị giao dịch đạt 111.570 tỷ đồng, gấp 3,4 lần so với năm 2024; giá trị tài sản ròng quản lý đạt trên 57.337 tỷ đồng, gấp 3,4 lần năm 2024. Tính tới Quý IV/2025, thị phần môi giới chứng khoán cơ sở của LPBS tại HSX đạt 1,22%.

Tính đến Quý II/2026, thị phần môi giới chứng khoán cơ sở của LPBS tại HSX đạt 1,62%.

Số tài khoản và giá trị tài sản quản lý bởi Công ty: Năm 2024, 2025 và lũy kế đến 30/06/2026:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2026
Số lượng tài khoản quản lý	18.259	25.581	32.349
AUM- Tổng tài sản quản lý (tỷ đồng)	16.929	57.337	257.239

(Nguồn: LPBS)

Với việc mở rộng liên tục về quy mô, doanh thu từ hoạt động môi giới của Công ty cũng tăng trưởng nhanh chóng. Doanh thu từ phí giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2025 là 130.142 triệu đồng, tăng gấp gần 3,98 lần so với năm 2024. Doanh thu từ phí giao dịch chứng khoán cơ sở Quý II/2026 là 93.114 triệu đồng.

Song song với hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở, LPBS cũng mở rộng sang các hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh nhằm đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng sự lựa chọn cho nhà đầu tư. Tháng 12/2025, Công ty đã thực hiện chào bán 13 mã chứng quyền, qua đó bước đầu ghi nhận mức độ quan tâm tích cực từ phía khách hàng và thị trường.

Trong năm 2026, LPBS dự kiến triển khai các nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao tốc độ xử lý và hiệu quả thực hiện lệnh giao dịch, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà đầu tư. Việc mở rộng danh mục sản phẩm và nâng cấp nền tảng công nghệ không chỉ góp phần đa dạng hóa lựa chọn đầu tư cho khách hàng mà còn phù hợp với định hướng phát triển sản phẩm tài chính hiện đại, an toàn và bền vững của Công ty.

Các công cụ hỗ trợ nhà đầu tư: Bên cạnh việc phát triển sản phẩm, LPBS tập trung đầu tư vào các công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao trải nghiệm và hiệu quả đầu tư cho khách hàng. Các giải pháp nổi bật bao gồm:

- Nền tảng dữ liệu và phân tích chuyên sâu, hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận thông tin kịp thời và toàn diện.
- Công cụ cá nhân hóa, ứng dụng công nghệ thông tin để đưa ra khuyến nghị phù hợp với mục tiêu đầu tư.
- Hệ thống đào tạo và tư vấn chuyên nghiệp, đồng hành cùng nhà đầu tư trong suốt quá trình ra quyết định.

❖ Cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán

Tại LPBS, hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán là một trong những mảng kinh doanh trọng yếu, đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu.

Năm 2024, quy mô cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 2.664.287 triệu đồng. Sang năm 2025, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán tiếp tục mở rộng, giúp Công ty nâng cao khả năng phục vụ khách hàng, từ đó đóng góp quan trọng vào tăng trưởng hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở. Tính đến cuối năm 2025, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt 10.548.001 triệu đồng, tăng 3,96 lần so với năm 2024,

qua đó xác lập vị thế trong nhóm công ty chứng khoán có quy mô dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán lớn trên thị trường.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, LPBS đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi lãi suất và sản phẩm tín dụng linh hoạt nhằm tối ưu hóa chi phí vốn cho khách hàng, đồng thời quản trị chặt chẽ rủi ro tín dụng. Nhờ đó, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán không chỉ gia tăng về quy mô mà còn đảm bảo được mức độ an toàn, bền vững trong tăng trưởng.

Năm 2025, doanh thu cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 350.365 triệu đồng, tăng 2,93 lần so với năm 2024. Sự tăng trưởng mạnh mẽ đến từ việc mở rộng nguồn vốn chủ sở hữu, xây dựng hệ thống sản phẩm tài chính hiệu quả, hấp dẫn và áp dụng công nghệ thông tin trong việc tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng giao dịch tại LPBS. Tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán luôn là một trong những mục tiêu phát triển của LPBS xuyên suốt các thời kỳ.

Tính đến Quý II/2026, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt 13.737.918 triệu đồng; Doanh thu cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 651.959 triệu đồng.

❖ **Tự doanh chứng khoán:**

Hoạt động tự doanh được LPBS triển khai trên cơ sở tận dụng lợi thế về khả năng huy động vốn, kết hợp với việc lựa chọn tài sản đầu tư vào các tài sản sinh lời an toàn như cổ phiếu VN30, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu tổ chức tín dụng. Năm 2025, hoạt động tự doanh của LPBS đạt được nhiều kết quả vượt trội, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của toàn Công ty. Tính đến Quý II/2026, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) 1.556.623 triệu đồng.

Hoạt động tự doanh trái phiếu:

Dù mới tham gia thị trường trái phiếu, đến 31/12/2025, quy mô danh mục trái phiếu (trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu Chính phủ) của LPBS đạt 6.414.669 triệu đồng, chiếm 21,43% Tổng tài sản của Công ty với đa dạng các trái phiếu từ trái phiếu chính phủ, trái phiếu các tổ chức tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp.

Bên cạnh hoạt động đầu tư trái phiếu trên thị trường sơ cấp, từ đầu năm 2025, Công ty đã bắt đầu thực hiện các giao dịch đầu tư trái phiếu trên thị trường thứ cấp. Trong năm 2025, giá trị giao dịch trái phiếu của LPBS đạt hơn 17.963 tỷ đồng, phản ánh khả năng tiếp cận thị trường và duy trì hoạt động ổn định. Công ty tiếp tục nâng cấp hệ thống, phát triển sản phẩm và mở rộng mạng lưới khách hàng, qua đó củng cố vị thế trong lĩnh vực phân phối trái phiếu doanh nghiệp.

Tính đến Quý II/2026, danh mục trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu tổ chức tín dụng của LPBS đạt 6.874.215 triệu đồng, chiếm 18,05% Tổng tài sản.

Hoạt động tự doanh cổ phiếu:

Song song với trái phiếu, Công ty đã tích cực triển khai các hoạt động đầu tư cổ phiếu. Tính đến cuối năm 2025, giá trị danh mục đầu tư cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) đạt 3.082.123 triệu đồng, chiếm 10,30% Tổng tài sản. Danh mục cổ phiếu của Công ty tập trung chính là các mã trong nhóm VN30. Đây là khoản đầu tư có tỷ suất sinh lời kỳ vọng cao, kỳ vọng mang lại lợi nhuận tốt cho Công ty.

Tính đến Quý II/2026, giá trị danh mục đầu tư cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) đạt 4.554.087 triệu đồng, chiếm 11,96% Tổng tài sản.

❖ **Đầu tư sản phẩm tài chính khác**

Tại LPBS, hoạt động đầu tư giấy tờ có giá đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản trị, phân bổ và tối ưu hóa dòng vốn của LPBS cho các hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ. Năm 2025, Công ty quản lý danh mục Hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi 8.793.736 triệu đồng, chiếm 29,38% Tổng tài sản.

Tính đến Quý II/2026, Công ty quản lý danh mục Hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi 11.429.032 triệu đồng, chiếm 30,01% Tổng tài sản.

Đây là nguồn thu an toàn giúp Công ty không chịu sự ảnh hưởng lớn nếu thị trường chung có sự biến động mạnh.

❖ **Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đại lý phát hành chứng khoán**

Trong giai đoạn 2024 - 2025, mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp của LPBS được mở rộng quy mô hoạt động và từng bước khẳng định vai trò là một trong những mảng dịch vụ trọng yếu của Công ty.

Năm 2024, LPBS đã tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thành công với tổng giá trị 5.610 tỷ đồng chiếm khoảng 1,28% tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên toàn thị trường.

Bước sang năm 2025, trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận các tín hiệu phục hồi tích cực, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của LPBS đã ghi nhận mức tăng trưởng cao và khả năng mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty. Cụ thể, LPBS đã cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ thành công với khối lượng 15.450 tỷ đồng, đạt gần 2,9% tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2025 trên toàn thị trường. Bên cạnh đó, LPBS đã thực hiện thành công dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu ra công chúng với khối lượng 3.847 tỷ đồng, chiếm gần 7,3% tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng năm 2025 trên toàn thị trường. Doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp năm 2025 là 10.967 triệu đồng, tăng 7,08 lần so với năm 2024. Tính đến Quý II/2026, Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là 150.002 triệu đồng.

Trong thời gian tới, Công ty định hướng mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tiếp tục phát triển các dịch vụ chứng khoán phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư; tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm bảo mật thông tin, an toàn và hiệu quả sử dụng cho nhà đầu tư.

- Công ty dự kiến từng bước mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng cường năng lực tài chính và tận dụng các cơ hội phát triển của thị trường chứng khoán, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn tài chính và quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tập trung phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi như: Môi giới chứng khoán; Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán; Hoạt động tự doanh. Đồng thời, nghiên cứu và đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ nhằm mở rộng nguồn thu cho Công ty.

- Song song với việc phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty định hướng tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin:

+ Về Nền tảng giao dịch: Triển khai LPTrade+, nền tảng giao dịch đa kênh trên ứng dụng di động và website, tích hợp đầy đủ các tính năng giao dịch cổ phiếu, trái phiếu, quản lý tài sản và nạp rút tiền 24/7. Nền tảng được xây dựng trên công nghệ lập trình hiện đại, đảm bảo hiệu năng cao và trải nghiệm người dùng tối ưu.

+ Về Hạ tầng công nghệ: Áp dụng mô hình hạ tầng kết hợp giữa máy chủ tại trụ sở và điện toán đám mây, sử dụng Amazon Web Services (AWS) - nền tảng hàng đầu thế giới. Hệ thống được thiết kế phân lớp, tách biệt các vùng mạng, đảm bảo an toàn cho hệ thống nghiệp vụ. Công ty triển khai đầy đủ các biện pháp dự phòng và sao lưu dữ liệu, tuân thủ các tiêu chuẩn của cơ quan quản lý.

+ Về An toàn bảo mật: Được xây dựng theo mô hình phòng thủ nhiều lớp, bao gồm giải pháp bảo vệ thiết bị, tường lửa, phòng chống rò rỉ dữ liệu, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập. Duy trì trung tâm giám sát an ninh mạng hoạt động 24/7 và đạt cấp độ an toàn thông tin cấp 3 theo quy định; , cải thiện chất lượng dịch vụ và hoàn thiện hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.

+ Về Tích hợp và kết nối: Kết nối với các ngân hàng thương mại lớn như: LPBank, BIDV, VPBank, VIB, Vietcombank phục vụ thu chi hộ. Tích hợp với các đối tác công nghệ trong lĩnh vực xác thực điện tử, ký hợp đồng điện tử và cung cấp dữ liệu thị trường.

Thông qua các định hướng trên, Công ty kỳ vọng tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện hiệu quả hoạt động trong trung và dài hạn, phù hợp với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

- **Vị thế của LPBS trong ngành:** Vị thế của LPBS so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

STT	Tên công ty	Mã chứng khoán	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản (triệu đồng)
1	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	TCX	27.738.968	45.782.450	100.592.060
2	CTCP Chứng khoán SSI	SSI	25.030.892	39.592.285	95.237.003
3	CTCP Chứng khoán VIX	VIX	24.502.878	32.695.309	38.592.337
4	CTCP Chứng khoán VPS	VCK	24.349.197	31.206.271	47.889.304
5	CTCP Chứng khoán VPBank	VPX	18.750.000	35.702.740	88.950.789
6	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	VND	15.222.999	21.432.125	49.866.117
7	CTCP Chứng khoán LPBank	LPS	14.086.680	17.912.682	38.087.954
8	CTCP Chứng khoán Vietcap	VCI	11.476.319	17.137.895	39.727.391
9	Công ty TNHH Chứng khoán ACB		11.000.000	14.737.192	39.062.450
10	CTCP Chứng khoán HD		10.960.693	13.419.146	20.263.714
11	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HCM	10.807.971	14.639.795	41.258.919
12	CTCP Chứng khoán MB	MBS	10.009.635	11.941.659	34.155.397

(Nguồn: BCTC hợp nhất/riêng lẻ Quý II/2026 của các Công ty chứng khoán nêu trên)

- **Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại:**
Không có.

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng, giảm 2025/2024	Lũy kế đến 30/06/2026
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	5.066.313	29.932.219	490,81%	38.087.954
2	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	192.739	1.686.726	775,13%	2.717.214
3	Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	100.004	644.067	544,04%	712.997
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	22	10	-52,91%	5.271
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	100.026	644.077	543,91%	718.268
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	80.392	513.133	538,29%	574.674

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 và Quý II/2026 đã kiểm toán của LPBS)

2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành:

LPBS đã phát hành 13 chứng quyền có bảo đảm, trong đó:

- Các Chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

TT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Thời hạn chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Tổng số lượng chứng quyền chào bán	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá thực hiện (vnd)
1	Chứng quyền ACB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/02	CACB2604	ACB	Mua	12 tháng	1,7245:1	2.800.000	27/12/2025	28/12/2026	22.419
2	Chứng quyền MBB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMBB2605	MBB	Mua	12 tháng	1,9231:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	25.962
3	Chứng quyền VIB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/10	CVIB2601	VIB	Mua	12 tháng	1,8963:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	17.066
4	Chứng quyền FPT/LPBS/Call/EU/Cash/12M/14	CFPT2604	FPT	Mua	12 tháng	9,8641:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	94.696
5	Chứng quyền HPG/LPBS/Call/EU/Cash/12M/16	CHPG2605	HPG	Mua	12 tháng	1,7852:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	24.100
6	Chứng quyền MSN/LPBS/Call/EU/Cash/12M/18	CMSN2601	MSN	Mua	12 tháng	5:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	80.000
7	Chứng quyền VHM/LPBS/Call/EU/Cash/12M/22	CVHM2604	VHM	Mua	12 tháng	9,6296:1	2.800.000	27/12/2025	28/12/2026	102.074
8	Chứng quyền VNM/LPBS/Call/EU/Cash/12M/24	CVNM2601	VNM	Mua	12 tháng	4,8456:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	62.024

(Nguồn: LPBS)

- Các Chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn. Chi tiết như sau:

TT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Thời hạn chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Tổng số lượng chứng quyền chào bán	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá thực hiện (vnd)
1	Chứng quyền STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05	CSTB2605	STB	Mua	6 tháng	3:1	4.800.000	27/12/2025	29/06/2026	60.000
2	Chứng quyền TCB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/07	CTCB2602	TCB	Mua	6 tháng	2,9382:1	9.600.000	27/12/2025	29/06/2026	35.259
3	Chứng quyền VPB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/11	CVPB2604	VPB	Mua	6 tháng	2,9476:1	4.800.000	27/12/2025	29/06/2026	29.476
4	Chứng quyền MWG/LPBS/Call/EU/Cash/6M/19	CMWG2605	MWG	Mua	6 tháng	5:1	8.000.000	27/12/2025	29/06/2026	88.000
5	Chứng quyền SHB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/25	CSHB2601	SHB	Mua	6 tháng	1,9731:1	4.800.000	27/12/2025	29/06/2026	17.758

(Nguồn: LPBS)

2.4. Tình hình tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, Quản trị công ty:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 143/QĐ-XPHC ngày 07/07/2025 của Chánh Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank do công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền bị xử phạt là 65.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 409/QĐ-XPHC ngày 12/11/2025 của Chánh Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank. Tổng số tiền bị xử phạt là 887.500.000 đồng. Trong đó:

- Phạt tiền 125.000.000 đồng: vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán.
- Phạt tiền 125.000.000 đồng: vi phạm hành chính đối với hành vi cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng.
- Phạt tiền 250.000.000 đồng: vi phạm hành chính đối với hành vi cung cấp dịch vụ khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo UBCKNN hoặc chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Phạt tiền 85.000.000 đồng: vi phạm hành chính đối với hành vi không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo theo quy định pháp luật.
- Phạt tiền 77.500.000 đồng: vi phạm hành chính đối với hành vi không đảm bảo cơ cấu nhân sự đáp ứng điều kiện.
- Phạt tiền 225.000.000 đồng: vi phạm hành chính đối với hành vi không đảm bảo các thông tin trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ chính xác.

Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ số tiền phạt vi phạm hành chính nêu trên, đồng thời Công ty đã hoàn thành việc nộp báo cáo kết quả khắc phục các vi phạm, tồn tại, thiếu sót theo yêu cầu của UBCKNN.

3. Tình hình tài chính

3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn. Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo Bạch. Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2025 và thời điểm của Bản Cáo Bạch, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả.

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước qua các năm 2024, năm 2025 và lũy kế đến 30/06/2026, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	% tăng, giảm 2025/2024	Lũy kế đến 30/06/2026
1	Thuế GTGT	Triệu đồng	44	482	1.006,82%	12.894
2	Thuế TNDN	Triệu đồng	9.903	22.647	128,69%	98.246
3	Thuế TNCN	Triệu đồng	3.155	29.524	835,76%	15.609
	Tổng cộng	Triệu đồng	13.102	52.653	301,89%	126.749

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 và Quý II/2026 đã kiểm toán của LPBS)

3.3. Tổng dư nợ vay:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	% tăng, giảm 2025/2024	Lũy kế đến 30/06/2026	Ghi chú
1	Vay ngắn hạn	Triệu đồng	551.939	13.334.500	2315,94%	19.364.500	
2	Vay dài hạn	Triệu đồng	-	-	0,00%	-	Không có vay dài hạn
	Tổng cộng		551.939	13.334.500	2315,94%	19.364.500	

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 và Quý II/2026 đã kiểm toán của LPBS)

3.4. Tổng dư nợ cho vay:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	% tăng, giảm 2025/2024	Lũy kế đến 30/06/2026	Ghi chú
1	Tổng dư nợ cho vay	Triệu đồng	2.664.287	10.548.001	295,90%	13.737.918	
	Cho vay giao dịch ký quỹ	Triệu đồng	2.613.683	9.664.422	269,76%	13.636.455	
	Ứng trước tiền bán chứng khoán	Triệu đồng	50.605	883.579	1.646,04%	101.463	
2	Phải thu cho vay ký quỹ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-	-	Không có khoản nào bị quá hạn
3	Dự phòng phải thu cho vay ký quỹ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-	-	Không có khoản nào bị quá hạn

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 và Quý II/2026 đã kiểm toán của LPBS)

3.5. Tình hình công nợ hiện nay:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	% tăng, giảm Năm 2025/2024	Lũy kế đến 30/06/2026
1	Tổng nợ phải thu	Triệu đồng	2.701.090	10.940.529	305,04%	14.796.666
2	Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	1.083.162	16.736.733	1.445,17%	20.175.273

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 và Quý II/2026 đã kiểm toán của LPBS)

3.6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về an toàn tài chính				
	Giá trị vốn khả dụng	Triệu đồng	3.431.770	12.625.403	
	Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	Triệu đồng	96.064	1.513.269	
	Tỷ lệ vốn khả dụng (Giá trị vốn khả dụng/Tổng rủi ro)	%	3.572,38	834,31	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	4,2	1,8	
	Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	4,2	1,8	Hàng tồn kho: Không có
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,21	0,56	
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,27	1,27	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,42	0,31	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,04	0,06	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	0,03	0,03	
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	0,52	0,39	
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	271	909	

(Nguồn: BCTC và BC TLATTC năm 2024 và năm 2025 đã kiểm toán của LPBS)

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm

1.1. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm

STT	Khoản mục	Nội dung
1	Tên chứng quyền có bảo đảm	Chứng quyền ACB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/06
2	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	ACB
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
4	Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
5	Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
6	Phương thức thực hiện chứng quyền	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (VND).
7	Thời hạn của chứng quyền	6 tháng
8	Ngày phát hành dự kiến	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của LPBS.
9	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Trước ngày đáo hạn 02 ngày làm việc
10	Ngày đáo hạn dự kiến	Ngày tròn 06 tháng kể từ ngày phát hành
11	Tỷ lệ chuyển đổi	2:1
12	Giá thực hiện cao nhất dự kiến	Không cao hơn 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.

STT	Khoản mục	Nội dung
13	Giá thực hiện thấp nhất dự kiến	Không thấp hơn 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
14	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	13.750.000.000 đồng (tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán)
15	Tài sản bảo đảm thanh toán	Bằng tiền (VND) hoặc Chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu của LPBS được ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký.
16	Giá chào bán cao nhất dự kiến	2.500 đồng/chứng quyền . Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
17	Giá chào bán thấp nhất dự kiến	1.000 đồng/chứng quyền . Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
18	Tổng số lượng chào bán	11.000.000 chứng quyền
19	Tổng giá trị chào bán	Trong khoảng giá trị: Từ 11.000.000.000 đồng đến 27.500.000.000 đồng

Phương pháp định giá lý thuyết của chứng quyền mua: Theo công thức Black Scholes như sau:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: Giá thực hiện của chứng quyền;

S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại;

T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365;

r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);

σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm);

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do LPBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Giá thực hiện nằm trong khoảng giá chênh lệch nhưng không vượt quá +/-20% so với giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành chứng quyền ra công chúng.
S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại.	Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm hoặc tại thời điểm tính toán giá chứng quyền theo quy định của pháp luật.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Lãi suất được xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản đảm bảo thanh toán và nguồn vốn dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền), dựa trên cơ sở bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm hoặc tại thời điểm tính toán giá chứng quyền theo quy định của pháp luật.
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ $ x $ (1 + hệ số điều chỉnh). Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Không có.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở:

- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu**
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **ACB**
- Lĩnh vực hoạt động/ngành nghề kinh doanh: Hoạt động huy động vốn; Hoạt động cấp tín dụng; Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán qua tài khoản; Hoạt động góp vốn, mua

cổ phần; Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh; Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý; Kinh doanh bất động sản; Các hoạt động kinh doanh khác.

- Thời điểm niêm yết lần đầu chứng khoán cơ sở: Ngày 21/11/2006. CKCS hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mức vốn hóa tại ngày 31/07/2026: 127.117 tỷ đồng.
- Chỉ số giá/thu nhập (P/E): 14,93 lần (tính theo giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày 31/07/2026 và EPS theo BCTC hợp nhất Quý II/2026).
- Dao động bình quân giá chứng khoán cơ sở trong thời gian 06 tháng gần nhất (01/02/2026 - 31/07/2026): 27,51%.

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm 2025/2024	Lũy kế đến 30/06/2026
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	864.005.703	1.025.850.127	18,73%	1.067.845.075
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	83.461.678	94.519.719	13,25%	99.314.518
3	Số dư huy động tiền gửi khách hàng	Triệu đồng	537.304.578	585.180.175	8,91%	576.603.602
4	Số dư cho vay khách hàng	Triệu đồng	580.686.248	686.777.352	18,27%	745.759.303
5	Nợ xấu (thuộc nhóm 3 đến nhóm 5)	Triệu đồng	8.649.634	6.671.387	-22,87%	7.657.409
6	Tỷ lệ Nợ xấu	%	1,51	1,00	N/A	1,06
7	Thuế và các khoản phải nộp	Triệu đồng	2.582.875	2.174.750	-15,80%	1.187.648
8	Tổng thu nhập hoạt động	Triệu đồng	33.514.759	33.797.883	0,84%	18.047.565
9	Lợi nhuận trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	Triệu đồng	22.612.156	22.873.524	1,16%	12.481.235
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	21.005.871	19.538.776	-6,98%	10.735.039
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	16.789.768	15.624.699	-6,94%	8.612.866
12	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	21,75	17,56	N/A	8,89

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã kiểm toán; BCTC hợp nhất Quý II/2026 của ACB)

2.3. Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 2 năm gần nhất

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Tỷ lệ Dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	77,37	78,63	
	Tỷ lệ Thanh khoản (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả)	%	111,63	111,02	Không tính dự phòng rủi ro
	Tỷ lệ Dư nợ cho vay/Tổng tài sản	%	67,21	66,95	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,90	0,91	
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	9,35	9,85	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động	Lần	0,50	0,46	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,22	0,18	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	0,02	0,02	
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	3.191	3.022	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã kiểm toán của ACB, LPBS tổng hợp và tính toán)

2.4. Tính thanh khoản, tình hình biến động giá chứng khoán cơ sở trong năm 2025: (Nguồn số liệu lấy từ HOSE, LPBS tổng hợp và tính toán).

- Khối lượng giao dịch bình quân trong năm 2025: 12.167.132 cổ phiếu.
- Giá giao dịch cao nhất trong năm 2025 (giá đã điều chỉnh): 29.500 đồng/cổ phiếu.
- Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2025 (giá đã điều chỉnh): 17.340 đồng/cổ phiếu.
- Giá đóng cửa (giá đã điều chỉnh) của ngày giao dịch cuối các tháng trong năm 2025:

STT	Tại ngày giao dịch cuối các tháng trong năm 2025	Giá đóng cửa (đồng/cổ phiếu)
1	Tháng 01/2025 (24/01/2025)	21.180
2	Tháng 02/2025 (28/02/2025)	21.720
3	Tháng 03/2025 (31/03/2025)	21.720
4	Tháng 04/2025 (29/04/2025)	20.090
5	Tháng 05/2025 (30/05/2025)	21.100
6	Tháng 06/2025 (30/06/2025)	21.300
7	Tháng 07/2025 (31/07/2025)	23.000
8	Tháng 08/2025 (29/08/2025)	27.800
9	Tháng 09/2025 (30/09/2025)	25.500
10	Tháng 10/2025 (31/10/2025)	25.500
11	Tháng 11/2025 (28/11/2025)	24.250
12	Tháng 12/2025 (31/12/2025)	24.000

2.5. Tình hình tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, quản trị công ty:

Ngày 12/09/2024, UBCKNN ban hành Quyết định số 368/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với ACB.

3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm

LPBS phân phối chứng quyền có bảo đảm sau khi LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm (thời gian tối thiểu để nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm là 03 ngày). Thời gian phân phối, giá chào bán và giá thực hiện cụ thể theo bản Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của LPBS.

Việc phân phối chứng quyền có bảo đảm chỉ được thực hiện sau khi LPBS bảo đảm nhà đầu tư mua chứng quyền tiếp cận Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán với UBCKNN.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:

STT	Nội dung	Thời gian (Dự kiến)	Ghi chú
1	LPBS nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm do UBCKNN cấp.	T	T: Là ngày làm việc
2	LPBS thực hiện công bố thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm do UBCKNN cấp.	T đến T+1	Trong vòng 24h kể từ ngày T
3	LPBS thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành chứng quyền trên trang thông tin điện tử của LPBS và Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định. - Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm. - Bản cáo bạch chào bán chứng quyền có bảo đảm.	T+1 đến T+2	
4	LPBS thực hiện công bố Bản Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm trên 01 Tờ báo điện tử trong 03 số liên tiếp.	T+1 đến T+3	
5	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua chứng quyền có bảo đảm.	T+3 đến T+10	Việc phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư chỉ được thực hiện sau khi nhà đầu tư đã tiếp cận Bản cáo bạch. Thời gian tối thiểu theo quy định để nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền là 03 ngày.

4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm

• Thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm:

LPBS công bố chính thức thời gian nhận đăng ký và nộp tiền mua chứng quyền trong bản Thông báo phát hành chứng quyền sau khi LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

• Cách thức đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm:

Nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền theo hình thức trực tuyến tại website: www.lptrade.com.vn hoặc đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở và các Chi nhánh của LPBS.

Trường hợp nhà đầu tư cần giải đáp thắc mắc và hướng dẫn thực hiện xin vui lòng liên hệ với LPBS thông qua: Số điện thoại: (028) 7309 8198 và Email: customer.service@lpbs.com.vn.

- Phương thức thanh toán tiền mua chứng quyền có bảo đảm:

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thực hiện nộp tiền mua chứng quyền vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank.**
- Số tài khoản: **8640115558** tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- Nội dung nộp tiền: <Tên ĐĐT> <số TKCK> nộp tiền mua <SL> <CWACB> <kỳ hạn>
(Ví dụ: *Nguyen Van A 103C1111111 nộp tiền mua 5000 CWACB 6M*)

- Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 100 chứng quyền.

- **Bước khối lượng đặt mua chứng quyền:** Bội số của 100 chứng quyền.

- **Nguyên tắc phân phối giá chứng quyền:** Giá phân phối chứng quyền là mức giá duy nhất được LPBS thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền sau khi LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm.

- **Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền:** LPBS thông báo cho nhà đầu tư trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phân phối chứng quyền thông qua hình thức thư điện tử (email).

- **Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết:** Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của HOSE, sau khi chứng quyền được niêm yết trên HOSE.

- Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua vượt số lượng chứng quyền chào bán;

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ được xác định dựa trên nguyên tắc phân bổ theo tỷ lệ đăng ký mua của các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

$$\frac{\text{Số lượng chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua}}{\text{Tổng số chứng quyền chào bán [x]}} = \frac{\text{Số chứng quyền của từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền của các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Số lượng chứng quyền phân bổ cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (100 chứng quyền), đồng thời tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng chứng quyền chào bán.

Trường hợp đối với số lượng chứng quyền còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống (nếu có), số chứng quyền này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau. Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của LPBS.

- **Các lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ:**

- Số lượng đăng ký mua chứng quyền nhỏ hơn số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu.

- Nhà đầu tư đã nộp/chuyển tiền nhưng không thực hiện đăng ký mua chứng quyền; Ghi sai nội dung nộp/chuyển tiền; Nộp/chuyển tiền sai tài khoản đặt mua chứng quyền theo quy định (đặt mua tên chứng quyền này nhưng lại nộp/chuyển tiền vào tài khoản tên chứng quyền khác).
- Nhà đầu tư nộp/chuyển tiền đăng ký mua chứng quyền nhưng quá thời hạn đặt mua chứng quyền theo thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm.

• **Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư:**

Trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền không thành công, nộp sai, nộp thừa (do số lượng chứng quyền đăng ký mua ít hơn so với số tiền nhà đầu tư đã nộp/chuyển tiền hoặc được phân phối theo tỷ lệ thấp hơn so với số lượng chứng quyền nhà đầu tư đã đăng ký mua), LPBS sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày LPBS nhận được Văn bản của UBCKNN về việc UBCKNN đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả chào bán chứng quyền có bảo đảm của LPBS thông qua số tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại LPBS.

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm:

Trong trường hợp đợt chào bán chứng khoán ra công chúng của Công ty bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Điểm a khoản 8 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác có liên quan (nếu có), Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ, Công ty sẽ thực hiện thu hồi toàn bộ chứng quyền đã phát hành và hoàn trả đầy đủ số tiền nhà đầu tư đã thanh toán (không bao gồm lãi, nếu có), thông qua phương thức thanh toán đã được Công ty công bố trong đợt chào bán. Hết thời hạn này, Công ty có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo các điều khoản cam kết với nhà đầu tư đã công bố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm

6.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau:

Với giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc:

- Ngày T-15: Tổ chức phát hành gửi Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng quyền và thông báo về việc lập Danh sách người sở hữu chứng quyền có bảo đảm tại ngày đáo hạn cho HIOSE.
- Ngày T-7: VSDC lập và gửi cho HIOSE, các Thành viên lưu ký thông báo về việc chốt Danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền có bảo đảm.
- Ngày T-2: Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền có bảo đảm. Sau ngày này, chứng quyền có bảo đảm sẽ bị hủy niêm yết trên HIOSE.
- Ngày T: LPBS gửi Thông báo giá thanh toán chứng quyền có bảo đảm cho VSDC (trên cơ sở giá thanh toán do HIOSE công bố).
- Ngày T+1 (9h): VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền có bảo đảm lưu ký cho Thành viên lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).
- Ngày T+1 (11h): Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin trong Danh sách người sở hữu chứng quyền có bảo đảm do VSDC cung cấp và gửi Thông báo xác nhận cho VSDC (dưới dạng chứng từ điện tử).

Trường hợp xác nhận có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách người sở hữu chứng quyền có bảo đảm đã hiệu chỉnh cho Thành viên lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).

- Ngày T+2: VSDC gửi Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền có bảo đảm cho LPBS.
- Ngày T+3: LPBS gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền có bảo đảm cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, LPBS phải gửi Thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.

Trong ngày T+3, LPBS chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.

- Ngày T+4: VSDC phân bổ tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm lưu ký vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có bảo đảm trong ngày thanh toán (ngày T + 5).
- Ngày T+5: Là ngày thanh toán tiền. Tại ngày này, Thành viên lưu ký thực hiện phân bổ tiền thanh toán cho nhà đầu tư.

Lưu ý:

- *Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua: Là số tiền thanh toán khi giá thanh toán lớn hơn giá thực hiện, được tính theo công thức: $(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}$.*
- *Giá thanh toán chứng quyền khi đáo hạn khi thực hiện quyền: Là bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong 05 ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.*
- *Số tiền thanh toán ròng: Là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).*
- *Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.*

6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, thì việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy trình thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật. Tài sản dùng để thanh toán cho nhà đầu tư, bao gồm từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh.
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký.

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở (giá thanh toán) cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết do tổ chức phát hành; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký

chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết; hoặc do Sở giao dịch chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực được tính theo công thức Black Scholes nêu tại Mục VI (1.1. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm) của Bản cáo bạch này.

8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh như sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới.
- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh như sau:
 - + Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
 - + Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
 - + Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm

- **Phí giao dịch:** Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền. Mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền.
- **Thuế:** Khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi, mức thuế suất áp dụng là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Lưu ý: Trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ về cách tính thuế:

- **Trường hợp 1:** Áp dụng khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần).

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là HPG với giá 2.000 VND/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 30.000 VND. Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 3.000 VND/chứng quyền, số thuế phải nộp là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300$ VND.

▪ **Trường hợp 2:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và chứng quyền này bị hủy niêm yết trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường x Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc;
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố x Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và Tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 3.000 VND/chứng quyền thì số thuế nhà đầu tư phải nộp cho 100 chứng quyền mình sở hữu là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VND}$.

▪ **Trường hợp 3:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn, và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do SGDCK công bố.

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 30.000 VND/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $30.000 \times 100 \times 0,1\% = 3.000 \text{ VND}$.

▪ **Trường hợp 4:** Trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ 4: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT với tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 100.000 VND.

Nếu nhà đầu tư giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do SGDCK công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 100.100 VND/cổ phiếu. Khi đó, chứng quyền này sẽ đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nhận được khoản tiền thanh toán từ tổ chức phát hành là: $(100.100 - 100.000) \times 100 = 10.000 \text{ VND}$.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $100.100 \times 100 \times 0,1\% = 10.010 \text{ VND}$.

Như vậy, trong trường hợp này, số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư được nhận là $(10.010 - 10.000) = 10 \text{ VND}$.

- **Phí thực hiện quyền:** Nhà đầu tư phải trả phí cho VSDC theo quy định.
- **Phí lưu ký, chuyển khoản:** Áp dụng theo quy định của VSDC.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

- **LPBS phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:**
 - Chỉ có lệnh bên mua hoặc lệnh bên bán chứng quyền.

- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền.
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (Giá chào bán thấp nhất – Giá chào mua cao nhất)/Giá chào mua cao nhất.
- **Khi tham gia đặt lệnh, LPBS phải tuân thủ:**
 - Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.
 - Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn.
 - Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt quá 5% tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường.
 - Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán).
 - Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.
- **Trong các trường hợp sau, LPBS không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:**
 - Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa.
 - Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch.
 - Giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của LPBS nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng.
 - Khi số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, LPBS được miễn đặt lệnh bán.
 - Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp LPBS chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), LPBS được miễn đặt lệnh mua.
 - Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, LPBS được miễn đặt lệnh bán.
 - Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), LPBS được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), LPBS được miễn đặt lệnh mua.
 - Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), LPBS được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua.
 - Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), LPBS được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua.
 - Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức là chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), LPBS được miễn đặt lệnh bán.
 - Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn.
 - Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh,....
 - Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:
 - Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh.

- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký.
- 2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm

1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Khối/Phòng liên quan của LPBS

• Đại hội đồng cổ đông

Phê duyệt chủ trương phát hành chứng quyền, hạn mức phát hành tổng thể, phương án đảm bảo thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; Phê duyệt quyền của người sở hữu chứng quyền tại LPBS.

• Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo triển khai hoạt động phát hành, kinh doanh, lưu ký, niêm yết, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, quản trị rủi ro và các hoạt động khác theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Phê duyệt chiến lược phát hành chứng quyền, phương án phát hành chứng quyền từng đợt.
- Quyết định hạn mức về quy mô phát hành, hạn mức chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, hạn mức tổn thất tối đa, lợi nhuận kỳ vọng, vị thế phòng ngừa rủi ro phù hợp với theo quy định pháp luật và khẩu vị rủi ro trong hoạt động kinh doanh chứng quyền (nếu có).

• Hội đồng quản lý rủi ro

- Đánh giá hạn mức phát hành chứng quyền.
- Đánh giá chứng khoán cơ sở cho việc phát hành chứng quyền.
- Đánh giá nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chứng quyền.

• Tổng Giám đốc

- Tổ chức thực hiện hoạt động phát hành, kinh doanh, lưu ký, niêm yết, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, và các nghiệp vụ khác liên quan tới chứng quyền theo phân quyền tại LPBS.
- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền.
- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.
- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

• Phòng Quản trị rủi ro

- Thiết kế, xây dựng, phát triển và duy trì các mô hình để nhận diện, đo lường và quản trị các rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành và kinh doanh chứng quyền tại LPBS.
- Xây dựng các quy trình quản trị rủi ro hoạt động phát hành, phân phối, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và các nghiệp vụ khác liên quan tới kinh doanh chứng quyền.

- Đề xuất các hạn mức quy mô và hạn mức ngăn lỗ cho hoạt động kinh doanh chứng quyền theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.
- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền, bao gồm phương án phòng ngừa rủi ro chứng quyền, hoạt động tạo lập thị trường, hoạt động ký quỹ bảo đảm thanh toán.
- Theo dõi và cảnh báo Ban điều hành về các hạn mức của LPBS, của SGDCK và UBCKNN liên quan đến phát hành và phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Tham mưu cho Ban điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của LPBS và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

- **Bộ phận Pháp chế**

Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của các nội dung trong Quy trình quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền và kinh doanh chứng quyền của LPBS.

- **Bộ phận Kiểm soát nội bộ**

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản liên quan.
- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành và phòng ngừa rủi ro theo đúng quy định, quy trình và chính sách của công ty.
- Thực hiện hoạt động tiền kiểm, hậu kiểm nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong quy trình chào bán và phát hành chứng quyền.
- Tham gia đánh giá mức độ đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, góp phần phát hiện và ngăn ngừa các sai sót tiềm ẩn trong quá trình vận hành.

- **Phòng Phái sinh**

- Là đầu mối triển khai hoạt động phát hành, kinh doanh, tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- Xây dựng các công cụ đảm bảo hoạt động kinh doanh chứng quyền được an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật và nội bộ LPBS.
- Theo dõi và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phát hành, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro liên quan tới chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn về rủi ro về thị trường, rủi ro thanh toán, và các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi LPBS. Đồng thời, báo cáo ngay các nội dung này cho cấp có thẩm quyền để xem xét và có hướng xử lý.

1.2. Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm

Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm là một chuỗi các bước được thực hiện liên tục nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro xảy ra đối với LPBS. Để quản trị rủi ro hiệu quả, LPBS tuân thủ tối thiểu các bước như sau:

- **Bước 1: Nhận diện rủi ro đối với chứng quyền có bảo đảm**

Trong hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm, LPBS có thể gặp phải các rủi ro như sau:

- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi LPBS không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như: LPBS bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.
- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
- **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi LPBS vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
- **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ hacker đánh sập hệ thống công nghệ thông tin), nhân viên (lừa đảo, sai sót do cố tình hoặc vô tình), tài sản vốn, các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh,...).
- **Rủi ro thanh khoản:** Khi LPBS không thể thực hiện, hoặc chỉ có thể thực hiện với chi phí cao hơn cho các giao dịch mua/bán cần thiết nhằm đạt được trạng thái trung hòa rủi ro đối với chứng quyền có bảo đảm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chứng khoán cơ sở không có hoặc có mức thanh khoản thấp, khiến việc tiếp cận thị trường trở nên hạn chế và tiềm ẩn chi phí giao dịch cao hơn so với kỳ vọng.

• **Bước 2: Phân tích rủi ro**

Sau khi các yếu tố rủi ro được xác định ở bước trên, Phòng Quản trị rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được xếp theo thang điểm từ A - Gần như chắc chắn đến E - Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (xếp theo thang điểm từ 5 - Rất nghiêm trọng đến 1 - Không đáng kể) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của LPBS. Các thang đo này được sắp xếp trên bản đồ nhiệt với tông màu trái dải 3 mức: màu đỏ (mức báo động), màu vàng (mức cảnh báo), màu xanh (mức chấp nhận).

Tần suất Mức độ	A - Gần như chắc chắn	B - Có khả năng xảy ra	C - Thỉnh thoảng xảy ra	D - Không chắc xảy ra	E - Hiếm khi xảy ra
5-Rất nghiêm trọng					
4-Nghiêm trọng					
3-Trung bình					
2-Thấp					
1-Không đáng kể					

- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro thanh toán tại LPBS là thấp, nhờ vào quy mô vốn lớn cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền. Ngoài ra, LPBS cũng thực hiện ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán tại ngân hàng lưu ký và duy trì hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định, để bảo đảm tiền và chứng khoán thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện quyền.
- **Rủi ro thị trường:** Đây là rủi ro lớn, có khả năng xảy ra và khó phòng ngừa do phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài. Do vậy, LPBS cần có các công cụ để theo dõi và cảnh báo kịp thời khi rủi ro thị trường xảy ra. Đồng thời, LPBS xây dựng các phương án và kịch bản để ứng phó với rủi ro thị trường.
- **Rủi ro pháp lý:** Đây là rủi ro có thể xảy ra khi LPBS vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi về quy định pháp luật. Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được

xếp theo thang điểm từ A - Gần như chắc chắn đến E - Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (xếp theo thang điểm từ 5 – Rất nghiêm trọng đến 1 – Không đáng kể) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của LPBS. Các thang đo này được sắp xếp trên bản đồ nhiệt với tông màu trải dài 3 mức: màu đỏ (mức báo động), màu vàng (mức cảnh báo), màu xanh (mức chấp nhận).

Tần suất Mức độ	A -Gần như chắc chắn	B -Có khả năng xảy ra	C -Thỉnh thoảng xảy ra	D- Không chắc xảy ra	E-Hiếm khi xảy ra
5-Rất nghiêm trọng					
4-Nghiêm trọng					
3-Trung bình					
2-Thấp					
1-Không đáng kể					

- **Rủi ro hoạt động:** Đây là rủi ro có thể xảy ra do các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm, hoặc các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra. Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được xếp theo thang điểm từ A - Gần như chắc chắn đến E - Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (xếp theo thang điểm từ 5 – Rất nghiêm trọng đến 1 – Không đáng kể) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của LPBS. Các thang đo này được sắp xếp trên bản đồ nhiệt với tông màu trải dài 3 mức: màu đỏ (mức báo động), màu vàng (mức cảnh báo), màu xanh (mức chấp nhận).

Tần suất Mức độ	A -Gần như chắc chắn	B -Có khả năng xảy ra	C -Thỉnh thoảng xảy ra	D- Không chắc xảy ra	E-Hiếm khi xảy ra
5-Rất nghiêm trọng					
4-Nghiêm trọng					
3-Trung bình					
2-Thấp					
1-Không đáng kể					

- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro này thấp trong điều kiện thị trường bình thường. Tuy nhiên, rủi ro thanh khoản vẫn có thể xảy ra do các thông tin đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

• Bước 3: Kiểm soát rủi ro

- Việc đánh giá, kiểm soát rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng chiến lược kiểm soát rủi ro của LPBS, nhằm lựa chọn các biện pháp ứng phó phù hợp với từng loại rủi ro cụ thể. Các chiến lược quản trị rủi ro thường được áp dụng bao gồm: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm thiểu rủi ro và chấp nhận rủi ro, tùy thuộc vào mức độ tác động và khả năng kiểm soát của tổ chức đối với từng tình huống rủi ro.

- Các hoạt động kiểm soát được xây dựng để bảo đảm các phương pháp xử lý rủi ro đang được thực hiện một cách hiệu quả và hữu hiệu. Các hoạt động này bao gồm:

+ Kiểm soát có tính chất phòng ngừa: Nhằm ngăn chặn các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ. Ví dụ: phân quyền, phân nhiệm; bảo mật mật khẩu và giới hạn quyền truy cập hệ thống, đào tạo nhân viên.

+ Kiểm soát có tính chất phát hiện: Nhằm phát hiện nhanh chóng các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời. Ví dụ: xác nhận, đối chiếu, kiểm kê, báo lỗi.

+ Kiểm soát có tính chất sửa chữa: Nhằm đưa tình hình về trạng thái thích hợp, hoặc ít nhất giảm thiểu hậu quả hoặc thiệt hại phát sinh từ giao dịch, sự kiện, sai phạm không mong muốn hay tình huống bất ngờ gây ra. Ví dụ: kế hoạch kinh doanh liên tục, kế hoạch khắc phục thảm họa.

Loại rủi ro	Nguyên tắc phòng ngừa	Cách thức thực hiện	Phương thức thực hiện
Rủi ro thanh toán	- Duy trì các hệ số an toàn tài chính để kiểm soát liên tục và định kỳ. - Đảm bảo tính tuân thủ về việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.	- Đa dạng đối tác huy động vốn. - Thực hiện công tác trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật và quy định của LPBS tại từng thời điểm. - Theo dõi và báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng hàng tháng hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của LPBS.	- Xây dựng hệ thống kiểm soát nguồn vốn chặt chẽ nhằm phân bổ vốn hiệu quả. - Thiết lập hệ thống đánh giá các chỉ tiêu an toàn tài chính phù hợp với đặc thù hoạt động và yêu cầu quản trị rủi ro tài chính của tổ chức. - Lựa chọn (các) ngân hàng để phân bổ tiền gửi (nếu có) và chọn hình thức giao dịch phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động kinh doanh của LPBS. - Thiết lập quy định về cập nhật dòng tiền và báo cáo hàng ngày. - Xây dựng Phương pháp đảm bảo thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
Rủi ro thị trường	- Dự báo các thông tin có tác động xấu để lên ra phương án giảm nhẹ rủi ro. - Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta (theo phương án phòng ngừa rủi ro).	- Theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các vấn đề chính trị có thể ảnh hưởng đến xu hướng chứng khoán hoặc nhóm ngành cụ thể theo định kỳ, đột xuất hoặc khi có yêu cầu. - Mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc mua chứng quyền của tổ chức phát hành khác theo các tham số rủi ro đã được thông qua.	- Dự báo xu hướng nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả và lựa chọn, điều chỉnh chiến lược kiểm soát rủi ro phù hợp. - Phòng Phái Sinh phối hợp cùng Phòng Quản trị Rủi ro sẽ thực hiện việc thông qua hệ thống giao dịch và báo cáo cho các bộ phận liên quan cũng như các cơ quan quản lý theo quy định.
Rủi ro pháp lý	- Đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ tạo lập thị trường. - Thiết lập cơ chế kiểm soát nội bộ độc lập giữa bộ phận tạo lập thị trường và bộ phận quản trị rủi ro/tuân thủ nhằm hạn chế xung đột lợi	- Xây dựng các chương trình nhằm tuân thủ đúng các quy định về tạo lập thị trường theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán. - Thiết lập cơ chế giám sát theo thời gian thực đối với hoạt động tạo lập nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp không đáp ứng nghĩa vụ - Thực hiện kiểm tra định kỳ và đánh giá độc lập bởi bộ phận quản trị rủi ro/tuân thủ về mức độ tuân thủ	- Xây dựng hệ thống tự động về tạo lập thị trường - Xây dựng hệ thống cảnh báo tự động khi có nguy cơ vi phạm nghĩa vụ tạo lập thị trường hoặc khi các chỉ số rủi ro vượt ngưỡng kiểm soát. - Thiết lập cơ sở dữ liệu lưu trữ đầy đủ lịch sử giá, khối lượng giao dịch, thời gian duy trì nghĩa vụ để phục vụ công tác kiểm tra nội bộ và báo cáo cơ quan quản lý.

Loại rủi ro	Nguyên tắc phòng ngừa	Cách thức thực hiện	Phương thức thực hiện
	ích và sai sót vận hành. - Đảm bảo tính minh bạch, khả năng truy vết và lưu trữ đầy đủ dữ liệu phục vụ kiểm tra, giám sát và thanh tra khi cần thiết.	nghĩa vụ tạo lập thị trường; xây dựng cơ chế cảnh báo sớm. - Tổ chức đào tạo định kỳ cho nhân sự phụ trách tạo lập thị trường về quy định pháp lý, cập nhật thay đổi chính sách và các tình huống rủi ro thực tiễn.	
Rủi ro hoạt động	Nhận diện các rủi ro có thể xảy ra với LPBS từ đó xây dựng các Quy trình, chính sách, hệ thống để giảm thiểu những rủi ro và giúp tối ưu hóa chi phí hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả làm việc.	- Ban hành chế độ báo cáo định kỳ/theo yêu cầu, phân định trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân liên quan. - Nâng cao tính tuân thủ về bảo mật khi truy cập thông tin và nhận thức của nhân viên về việc sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và an ninh mạng của LPBS.	- Thiết lập hệ thống quy trình và quy định nội bộ nhằm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong quá trình triển khai nghiệp vụ, qua đó tăng cường hiệu lực của công tác kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các sai phạm có thể phát sinh. - Xây dựng quy trình vận hành và kiểm soát mang tính bắt buộc và phòng ngừa rủi ro, bao gồm các nội dung: sao lưu và bảo mật dữ liệu; thiết lập hệ thống đường truyền dữ liệu chính – phụ; triển khai các biện pháp bảo mật và an ninh mạng; mua bảo hiểm cho thiết bị và phần mềm; kiểm tra hệ thống định kỳ; ký kết hợp đồng bảo hành, bảo trì với nhà cung cấp dịch vụ; đồng thời xây dựng sẵn các kịch bản ứng phó khủng hoảng nhằm đảm bảo khả năng phục hồi và duy trì hoạt động trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống. - Trang bị hệ thống giao dịch dự phòng bên cạnh hệ thống giao dịch chính để giảm thiểu khả năng mất kết nối làm gián đoạn khả năng giao dịch của nhà đầu tư. - Xây dựng Quy trình vận hành và kiểm soát theo chuẩn quốc tế để nâng cao phòng ngừa các rủi ro, bao gồm việc mất dữ liệu, bảo mật dữ liệu, virus, hacker xâm nhập nhằm đảm bảo tính bảo mật cho nhà đầu tư và LPBS.
Rủi ro thanh khoản	Đảm bảo chi phí phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.	- Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định. - Chi phí phát hành chứng quyền đối với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. - Quy định khối lượng có phiếu tối đa, phải thực hiện các giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.	- Hệ thống phần mềm giao dịch. - Báo cáo giám sát.

- **Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro**

- Hoạt động quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh chứng quyền được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát cụ thể theo quy định của UBCKNN, HOSE và của LPBS.

- Trong quá trình triển khai công tác quản trị rủi ro, LPBS đồng thời tiến hành giám sát liên tục, rà soát, đánh giá và báo cáo kết quả thực thi các biện pháp quản trị rủi ro nhằm kịp thời thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có).

- Việc giám sát đóng vai trò then chốt trong việc nhận diện và khắc phục các thiếu sót có thể phát sinh trong quá trình quản trị rủi ro. Trường hợp xuất hiện các thông tin rủi ro mới trong quá trình giám sát, LPBS sẽ khởi động lại quy trình từ bước phân tích và/hoặc đánh giá thông tin rủi ro, lựa chọn biện pháp kiểm soát và/hoặc xử lý phù hợp, đồng thời tiếp tục giám sát chặt chẽ hoạt động quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

- Thường xuyên và định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro phù hợp.

1.3. Kiểm soát giao dịch:

- Đối với giao dịch của khách hàng: Lệnh chỉ vào hệ thống khi bên mua đủ tiền thanh toán và bên bán phải có chứng khoán sẵn sàng bán.

- Đối với giao dịch của tự doanh: Phòng Tự doanh được đầu tư theo hạn mức mà Ban Điều hành đã phê duyệt. Giao dịch của tự doanh hoàn toàn tách biệt với giao dịch của khách hàng.

1.4. Hạn mức tín dụng và ký quỹ: Thực hiện theo Điều 9 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán (Ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của UBCKNN về việc hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán):

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ: Không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu.

- Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ đối với một khách hàng: Không vượt quá 3% vốn chủ sở hữu.

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đối với một loại chứng khoán: Không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu.

- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ: Không vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

1.5. Tổ chức đánh giá, xếp hạng rủi ro tín dụng: Không có

2. Phương án phòng ngừa rủi ro

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra đối với LPBS và người sở hữu chứng quyền có bảo đảm.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

- **Ban Điều hành có trách nhiệm:**

- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm.

- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

- **Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm:**

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản liên quan.

- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành và phòng ngừa rủi ro theo đúng định, quy trình và chính sách của công ty.
- Giám sát và đánh giá các xung đột lợi ích nếu có.
- **Phòng Quản trị rủi ro có trách nhiệm:**
 - Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm.
 - Cảnh báo Ban Điều hành về các hạn mức của LPBS, SGDCK và UBCKNN liên quan đến phát hành và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm.
 - Tham mưu cho Ban Điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
 - Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của LPBS và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.
- **Bộ phận Tạo lập thị trường có trách nhiệm:**
 - Trực tiếp tham gia vào quy trình phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm.
 - Thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của UBCKNN và SGDCK.
 - Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với Phòng Quản trị rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Thông tin và số lượng nhân sự tại bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Trần Huy Doãn	Giám đốc Điều hành Khối Đầu tư	1979
2	Đặng Đức Cường	Trưởng Phòng Phái Sinh	1994

1. Trần Huy Doãn - Giám đốc Điều hành Khối Đầu tư

Họ và tên : Trần Huy Doãn
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1979
 Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính.

Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002371/QLQ do UBCKNN cấp ngày 27/12/2023.

Kinh nghiệm thị trường Tài chính, Chứng khoán : Hơn 20 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Kinh nghiệm về chứng quyền : Hơn 06 năm kinh doanh, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2004-05/2020	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	Phó Phòng Kinh doanh Ngoại hối
06/2020-04/2025	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Giám Đốc Phòng Phái sinh
05/2025-nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Giám đốc Điều hành Khối Đầu tư

2. Đặng Đức Cường - Trưởng Phòng Phái sinh

Họ và tên : Đặng Đức Cường

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1994

Nơi sinh : Bà Rịa – Vũng Tàu

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh doanh Quốc tế.

Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002270/QLQ do UBCKNN cấp ngày 17/10/2023.

Chứng chỉ chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh số 20 PS14/QĐ-ĐT ngày 14/09/2017.

Kinh nghiệm thị trường Tài chính, Chứng khoán : Hơn 08 năm làm việc trong lĩnh vực Môi giới, Phân tích, Đầu tư chứng khoán.

Kinh nghiệm về chứng quyền : Hơn 05 năm kinh doanh, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2017- 03/2020	CTCP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Trưởng nhóm kinh doanh
02/2021-04/2025	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Quản lý kinh doanh sản phẩm & tạo lập thị trường
04/2025-nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Trưởng Phòng Phái sinh

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

LPBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, LPBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của LPBS là trung hòa Delta ($\Delta = 0$) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

2.4. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro: Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

2.5. Vị thế phòng ngừa rủi ro

• Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro

- Hệ số phòng ngừa rủi ro được LPBS áp dụng là hệ số Delta.
- Hệ số phòng ngừa rủi ro Delta: Là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.
- Giá trị hệ số Delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes:

$$\text{Delta}_{\text{CALL}} = N(d_1)$$

Trong đó:

$\text{Delta}_{\text{CALL}}$: Giá trị Delta của chứng quyền mua.

$N(d_1)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số đầu vào trong công thức trên được xác định như sau:

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do LPBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Giá thực hiện nằm trong khoảng giá chênh lệch nhưng không vượt quá +/-20% so với giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm.
S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại.	Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm hoặc tại thời điểm tính toán giá chứng quyền theo quy định của pháp luật.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Lãi suất được xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản đảm bảo thanh toán và nguồn vốn dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền), dựa trên cơ sở bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm LPBS được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm hoặc tại thời điểm tính toán giá chứng quyền theo quy định của pháp luật.

Tham số	Phương pháp tính
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ [x] (1 + hệ số điều chỉnh). Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

• **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:**

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết được xác định như sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI} / k$$

Trong đó:

P: Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính theo công thức: $\text{Delta}_{\text{CALL}} = N(d_1)$.

OI: Được tính bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành cộng với số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh của tổ chức phát hành nhưng chưa được VSDC thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản của nhà đầu tư trừ đi chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của tổ chức phát hành.

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

• **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế:**

LPBS sử dụng chứng khoán cơ sở thực có, số lượng chứng khoán cơ sở chờ về trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, số lượng chứng khoán phát sinh do thực hiện quyền (trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) từ chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số lượng chứng khoán quy đổi trong trường hợp tổ chức phát hành sử dụng chứng khoán phòng ngừa rủi ro là chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền. Chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền bao gồm chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh và chứng khoán chờ về tài khoản tự doanh và số tiền đã nộp trên tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế của LPBS được xác định như sau:

$$P_T = P_{\text{CKCS}} + P_{\text{QD}}$$

Trong đó:

P_{CKCS} : Số lượng chứng khoán cơ sở do LPBS thực tế nắm giữ để phòng ngừa rủi ro chứng quyền.

P_{QD}: Số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ số tiền có trong tài khoản tự doanh của LPBS. Công thức tính như sau: Lấy số tiền LPBS đã nộp vào tài khoản tự doanh chia cho giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.

- **Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền** được xác định như sau:

$$\Delta p_T \% = (P_T - p_T) / P_T \times 100 \%$$

Trong đó:

$\Delta p_T \%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T.

P_T : Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.

p_T : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.

LPBS thực hiện phòng ngừa rủi ro để đảm bảo độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt quá 20%.

- **Ví dụ minh họa**

Giả sử LPBS phát hành chứng quyền có bảo đảm với các thông số đầu vào theo mô tả như sau:

- Tài sản chứng khoán cơ sở: MWG
- Ngày phát hành: 27/12/2025
- Ngày niêm yết: 19/01/2026
- Ngày đáo hạn: 29/06/2026
- Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1
- Lãi suất phi rủi ro: 7,2%
- Độ biến động giá: 40%
- Giá thực hiện: 88.000 đồng

LPBS thực hiện mua vào, bán ra cổ phiếu MWG khi giá cổ phiếu MWG thay đổi như sau:

Ngày	Giá cổ phiếu MWG	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết	Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế	$\Delta p_T \%$	Số lượng cổ phiếu MWG cần mua/bán
19/01/2026	86.700	0,58	428.500	49.517	50.000	-0,98	
20/01/2026	86.000	0,57	428.500	48.455	50.000	-3,19	0
21/01/2026	85.400	0,55	147.400	16.350	16.000	2,14	-34.000
22/01/2026	86.500	0,57	158.100	18.128	16.000	11,74	0
23/01/2026	85.800	0,56	198.500	22.260	22.000	1,17	6.000
26/01/2026	84.100	0,53	233.900	24.737	22.000	11,06	0
27/01/2026	85.000	0,54	481.400	52.434	52.000	0,83	30.000

Ngày	Giá cổ phiếu MWG	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết	Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế	Δp_1 %	Số lượng cổ phiếu MWG cần mua/bán
28/01/2026	85.500	0,55	561.100	62.069	62.000	0,11	10.000
29/01/2026	89.500	0,62	430.200	53.500	62.000	-15,89	0
30/01/2026	92.900	0,68	947.500	127.988	125.000	2,33	63.000

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành

LPBS đã phát hành 13 chứng quyền có bảo đảm, trong đó:

- Các Chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

TT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Thời hạn chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Tổng số lượng chứng quyền chào bán	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá thực hiện (vnd)
1	Chứng quyền ACB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/02	CACB2604	ACB	Mua	12 tháng	1,7245:1	2.800.000	27/12/2025	28/12/2026	22.419
2	Chứng quyền MBB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMBB2605	MBB	Mua	12 tháng	1,9231:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	25.962
3	Chứng quyền VIB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/10	CVIB2601	VIB	Mua	12 tháng	1,8963:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	17.066
4	Chứng quyền FPT/LPBS/Call/EU/Cash/12M/14	CFPT2604	FPT	Mua	12 tháng	9,8641:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	94.696
5	Chứng quyền HPG/LPBS/Call/EU/Cash/12M/16	CHPG2605	HPG	Mua	12 tháng	1,7852:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	24.100
6	Chứng quyền MSN/LPBS/Call/EU/Cash/12M/18	CMSN2601	MSN	Mua	12 tháng	5:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	80.000
7	Chứng quyền VHM/LPBS/Call/EU/Cash/12M/22	CVHM2604	VHM	Mua	12 tháng	9,6296:1	2.800.000	27/12/2025	28/12/2026	102.074
8	Chứng quyền VNM/LPBS/Call/EU/Cash/12M/24	CVNM2601	VNM	Mua	12 tháng	4,8456:1	3.200.000	27/12/2025	28/12/2026	62.024

(Nguồn: LPBS)

- Các Chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn. Chi tiết như sau:

TT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Thời hạn chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Tổng số lượng chứng quyền chào bán	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá thực hiện (vnd)
1	Chứng quyền STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05	CSTB2605	STB	Mua	6 tháng	3:1	4.800.000	27/12/2025	29/06/2026	60.000

TT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Thời hạn chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Tổng số lượng chứng quyền chào bán	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá thực hiện (vnd)
2	Chứng quyền TCB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/07	CTCB2602	TCB	Mua	6 tháng	2,9382:1	9.600.000	27/12/2025	29/06/2026	35.259
3	Chứng quyền VPB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/11	CVPB2604	VPB	Mua	6 tháng	2,9476:1	4.800.000	27/12/2025	29/06/2026	29.476
4	Chứng quyền MWG/LPBS/Call/EU/Cash/6M/19	CMWG2605	MWG	Mua	6 tháng	5:1	8.000.000	27/12/2025	29/06/2026	88.000
5	Chứng quyền SHB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/25	CSHB2601	SHB	Mua	6 tháng	1,9731:1	4.800.000	27/12/2025	29/06/2026	17.758

(Nguồn: LPBS)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (024) 7105 0000 Fax: (024) 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

2. Ngân hàng lưu ký

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOS số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

Tổ chức phát hành cam kết về việc tổ chức phát hành không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc Đại lý phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có.

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Hệ thống Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro của công ty sẽ được thiết lập để giám sát các xung đột lợi ích có thể xảy ra trong các giao dịch của công ty và các nhân sự trực tiếp tham gia vào hoạt động phát hành, tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro chứng quyền.

XI. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

XII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
NGÂN HÀNG LƯU KÝ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4... tháng 8... năm 2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN DUY KHOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4... tháng 8... năm 2026

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM -
CHI NHÁNH NAM KỲ KHƠI NGHĨA



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy phép thành lập và hoạt động số 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 79/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 06 năm 2026.
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/02/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ: 22, ngày 08/07/2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
3. Nghị quyết số 04A/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm: Thông qua tổng hạn mức chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán; Thông qua Phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản.
4. Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐQT ngày 24/04/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm Năm 2026 – Đợt 1.
5. Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 01/2026/TT/BIDV-LPBS ngày 15 tháng 07 năm 2026 giữa Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Ngân hàng lưu ký).
6. Văn bản xác nhận số 1590/CV.BIDV-NKKN ngày 05/05/2026 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa về việc LPBS mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán.
7. Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank ban hành ngày 03 tháng 02 năm 2026 và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
8. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank.



